ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2025

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1007/QĐ-ĐHKTL ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

Tên chương trình:	**Quản lý công**
Tên tiếng Anh:	**Public Management**
Trình độ đào tạo:	**Đại học**
Ngành đào tạo:	**Quản lý công**
Mã ngành đào tạo:	**7340403**
Loại hình đào tạo:	**Chính quy**
Bằng tốt nghiệp:	**Cử nhân**
Tên văn bằng sau tốt nghiệp:	**Cử nhân Quản lý công** **Bachelor of Public Management**
Ngôn ngữ đào tạo:	**Tiếng Việt**
Khoa phụ trách:	**Quản trị kinh doanh**

1. Mục tiêu đào tạo

Mục tiêu chung	
Chương trình đào tạo Quản lý công nhằm đào tạo cử nhân ngành quản lý công có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng, khả năng làm việc độc lập và trách nhiệm với xã hội. nắm vững các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn, pháp luật và an ninh quốc phòng. có kiến thức nền tảng về quản trị - quản lý, chuyên sâu trong ngành quản lý công. có tư duy hệ thống, logic. có khả năng ứng dụng công nghệ, chuyển tải kiến thức thành những kỹ năng nghề nghiệp. có các kỹ năng phân tích, phản biện, giao tiếp, thiết lập những mối quan hệ thành công trong công việc chuyên môn và khả năng giao tiếp chuyên môn bằng tiếng Anh. có năng lực nghiên cứu, tự bổ sung kiến thức và tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu của công việc.	
Mục tiêu cụ thể	
PO 1	Có khả năng trình bày được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, công nghệ, xã hội, chính trị, kinh tế, quản lý, kinh doanh, pháp luật. vận dụng

	được kiến thức nền tảng về quản trị - quản lý để giải quyết các vấn đề chuyên môn, thể hiện được kiến thức chuyên sâu ngành quản lý công để phân tích, đánh giá, hoạch định, xây dựng các nhiệm vụ chiến lược.
PO 2	Thực hiện phản biện và các kỹ năng cần thiết để giải quyết các vấn đề phức tạp. thành thạo kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả để giải quyết các vấn đề quản trị - quản lý. thể hiện được khả năng ứng dụng công nghệ, khả năng ngoại ngữ trong giao tiếp, giải quyết các vấn đề chuyên môn và thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.
PO 3	Hình thành khả năng tự định hướng và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân, năng lực quản lý, điều hành trong bối cảnh vận hành của tổ chức khu vực công. thực thi đạo đức nghề nghiệp, công bằng và trách nhiệm xã hội.

2. Cơ hội nghề nghiệp, vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp

Nhóm 1: Làm việc tại các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội:

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản lý công đặc biệt thích hợp với các vị trí việc làm trong hệ thống chính trị, bao gồm: các cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương đến địa phương.

Hiện nay, có rất nhiều vị trí công việc có liên quan đến các lĩnh vực thuộc ngành quản lý công như: Quản lý tổ chức, Quản lý nhân sự, Quản lý đô thị, Quản lý dự án, Hoạch định chính sách công, Tổ chức cán bộ, Hành chính văn phòng, Tổng hợp, …tại các cơ quan khu vực công.

Nhóm 2: Làm việc tại doanh nghiệp, tổ chức, các hiệp hội:

Doanh nghiệp: Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản lý công có cơ hội làm việc trong các doanh nghiệp có quy mô lớn, vừa và nhỏ ở nhiều vị trí công việc như: Tổ chức cán bộ, Chuyên viên quản lý nhân sự, chuyên viên nghiên cứu chính sách và phát triển dự án, chuyên viên hành chính văn phòng…Bên cạnh đó, với kiến thức đa dạng được cung cấp trong chương trình đào tạo Quản lý công, sinh viên ra trường có thể tham gia làm việc tại các ngân hàng, doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế….với lợi thế nắm vững về kiến thức quản lý nói chung, đặc biệt là về quản lý nhà nước.

Tổ chức quốc tế: Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản lý công, với lợi thế kiến thức về Quản lý công, đặc biệt là về chính sách công, có nhiều cơ hội tham gia làm việc tại các tổ chức quốc tế, đặc biệt là tổ chức phi chính phủ, các hiệp hội, các tổ chức liên kết khu vực và thế giới.

Tổ chức nghiên cứu: Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản lý công được cung cấp khối lượng kiến thức phong phú về nghiên cứu khoa học, các phương pháp nghiên cứu cụ thể, bên cạnh nhiều kỹ năng phục vụ trong thực hành công việc, quản trị học. Bên cạnh đó, với nền tảng là những kiến thức về thực tiễn quản lý trong đời sống xã hội dưới góc nhìn chính sách sẽ là tiền đề quan trọng để người học có thể tham gia nghiên cứu, phát triển chuyên môn sâu…góp phần vào sự phát triển xã hội.

Cơ sở giáo dục và đào tạo: Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản lý công có thể tham gia và đảm nhận tốt các vị trí công việc trong môi trường giáo dục tại các cơ sở giáo

dục đào tạo như: giảng dạy, quản lý nhân sự, tổ chức bộ máy, quản lý nghiên cứu khoa học… đặc biệt là nguồn nhân lực có chất lượng để bổ sung vào đội ngũ giảng viên giảng dạy về quản lý, quản trị đối với khu vực công và kể cả khu vực tư.

Nhóm 3: Khả năng học tập lên trình độ cao hơn:

Sau khi tốt nghiệp chương trình Quản lý công trình độ đại học, người học có thể tiếp tục theo học đúng ngành và các ngành gần trình độ đào tạo cao hơn như: ThS Quản lý công, ThS Chính sách công, TS Quản lý công, Quản lý Hành chính công, ngành Quản lý nhà nước, và các ngành/chuyên ngành gần như chuyên ngành thuộc lĩnh vực kinh tế (Quản lý kinh tế, Kinh tế học. Kinh tế phát triển. Quản trị nhân lực, Quan hệ lao động) ở các cơ sở đào tạo trong nước và quốc tế.

Với cơ hội được tham gia học tập ở bậc cao hơn cho phép người học có những cơ hội tiếp cận và thành công ở nhiều vị trí công việc chất lượng, khẳng định giá trị quan trọng trong các tổ chức quản lý nhà nước, doanh nghiệp và các đơn vị giảng dạy, nghiên cứu.

3. Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra	Mức độ *
PLO1. Trình bày được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, công nghệ, xã hội, chính trị, kinh tế, pháp luật, kinh doanh, quản trị - quản lý	2
PLO2. Vận dụng được kiến thức nền tảng về quản trị - quản lý để giải quyết các vấn đề chuyên môn	3
PLO3. Vận dụng thành thạo được kiến thức chuyên sâu ngành Quản lý công để phân tích, đánh giá, hoạch định, xây dựng các nhiệm vụ chiến lược.	4
PLO4. Thực hiện phản biện và kỹ năng cần thiết để giải quyết các vấn đề phức tạp trong quản trị - quản lý	3
PLO5. Thành thạo kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả để giải quyết các vấn đề chuyên môn	4
PLO6. Vận dụng được ứng dụng công nghệ và ngoại ngữ trong giao tiếp và giải quyết các vấn đề chuyên môn	3
PLO7. Thể hiện khả năng trong việc thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo	3
PLO8. Hình thành khả năng tự định hướng và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân	3
PLO9. Hình thành năng lực quản lý, điều hành trong bối cảnh vận hành của tổ chức công	3
PLO10. Thực thi đạo đức nghề nghiệp, công bằng và trách nhiệm xã	4

hội	

Chuẩn đầu ra ngoại ngữ

Chương trình dạy học Chuẩn: Đạt bậc 3 theo Khung năng lực Ngoại ngữ châu Âu.

Chuẩn đầu ra tin học

Sinh viên tốt nghiệp các ngành, chương trình dạy học của Trường phải có chứng chỉ tin học quốc tế MOS đạt tối thiểu 2 trong 3 (Excel, Word, PowerPoint).

*** Danh sách các chỉ báo của Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	Trọng số (%)	Mức độ *
PLO1	**Trình bày được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, công nghệ, xã hội, chính trị, kinh tế, pháp luật, kinh doanh, quản trị - quản lý**	**10**	**2**
PI 1.1	Hiểu được kiến thức toán, thống kê và khoa học tự nhiên	2,5	2
PI 1.2	Hiểu được kiến thức khoa học xã hội và nhân văn	2,5	2
PI 1.3	Áp dụng được kiến thức về công nghệ thông tin và chuyển đổi số	2,5	3
PI 1.4	Hiểu được kiến thức quản lý, pháp luật cơ bản	2,5	2
PLO2	**Vận dụng được kiến thức nền tảng về quản trị - quản lý để giải quyết các vấn đề chuyên môn**	**20**	**3**
PI 2.1	Vận dụng được kiến thức nền tảng về kinh tế, pháp luật	5	3
PI 2.2	Vận dụng được kiến thức nền tảng về quản trị - quản lý	10	3
PI 2.3	Vận dụng được kiến thức về khoa học xử lý dữ liệu trong kinh tế, quản trị - quản lý	5	3
PLO3	**PLO3. Vận dụng thành thạo được kiến thức chuyên sâu ngành Quản lý công để phân tích, đánh giá, hoạch định, xây dựng các nhiệm vụ chiến lược.**	**20**	**4**
PI 3.1	Thể hiện được kiến thức về lãnh đạo, quản lý và chính sách công	5	4
PI 3.2	Thể hiện được kiến thức về tổ chức, bộ máy và nhân sự trong khu vực công	5	4
PI 3.3	Thể hiện được kiến thức về tài chính, đầu tư công và	5	4

	kiểm soát trong quản lý công		
PI 3.4	Thể hiện được kiến thức, kỹ năng hành chính, pháp luật trong quản lý công	5	4
PLO4	**Thực hiện phản biện và kỹ năng cần thiết để giải quyết các vấn đề phức tạp trong quản trị - quản lý**	**10**	**3**
PI 4.1	Phân tích và đánh giá thông tin để đưa ra lập luận phản biện có cơ sở trong các tình huống quản trị - quản lý	3	3
PI 4.2	Áp dụng các kỹ năng tư duy sáng tạo và giải quyết vấn đề để xử lý các tình huống phức tạp trong môi trường quản trị - quản lý	3	3
PI 4.3	Phối hợp và giao tiếp hiệu quả trong quá trình đưa ra quyết định và giải quyết vấn đề	4	3
PLO5	**Thành thạo kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả để giải quyết vấn đề chuyên môn**	**10**	**4**
PI 5.1	Phối hợp hoạt động nhóm và tổ chức nhóm hiệu quả	2	4
PI 5.2	Lãnh đạo và phát triển nhóm	1	4
PI 5.3	Xây dựng cấu trúc và chiến lược giao tiếp phù hợp	1	4
PI 5.4	Thành thạo giao tiếp bằng văn bản, lắng nghe, đối thoại, thuyết trình	1	4
PI 5.5	Thành thạo giao tiếp điện tử và đa truyền thông	3	4
PI 5.6	Thành thạo kỹ năng đàm phán, thỏa hiệp và giải quyết xung đột	2	4
PLO6	**Vận dụng được ứng dụng công nghệ và ngoại ngữ trong giao tiếp và giải quyết các vấn đề chuyên môn**	**5**	**3**
PI 6.1	Thể hiện khả năng ứng dụng công nghệ	2	3
PI 6.2	Thể hiện khả năng giao tiếp chuyên môn bằng tiếng Anh	3	3
PLO 7	**Thể hiện khả năng trong việc thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo**	**5**	**3**
PI 7.1	Khả năng đánh giá được ý tưởng sáng tạo và khuyến khích sự đổi mới khởi nghiệp	2	3
PI 7.2	Thể hiện được khả năng tham gia vào quá trình phát triển và thúc đẩy các dự án khởi nghiệp	3	3

PLO 8	**Hình thành khả năng tự định hướng và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân**	**10**	**3**
PI 8.1	Hình thành tư duy hệ thống, toàn diện và đổi mới khi tiếp cận các vấn đề	4	3
PI 8.2	Hình thành khả năng tự định hướng nghề nghiệp	3	3
PI 8.3	Hình thành khả năng có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân	3	3
PLO 9	**Hình thành năng lực lãnh đạo, quản lý trong bối cảnh vận hành của tổ chức công**	**5**	**3**
PI 9.1	Xây dựng và triển khai kế hoạch quản lý phù hợp với tổ chức công	2	3
PI 9.2	Giải quyết được những tình huống trong tổ chức công	2	3
PI 9.3	Chủ động thích ứng sự thay đổi của tổ chức công	1	3
PLO 10	**Thực thi đạo đức, công bằng và trách nhiệm xã hội**	**5**	**4**
PI 10.1	Thừa nhận và hành động đạo đức công vụ, liêm chính và trách nhiệm xã hội	2	4
PI 10.2	Hành xử chuyên nghiệp	2	4
PI 10.3	Trung thành và công bằng trong công việc	1	4

*****<u>*Ghi chú:*</u> *Điểm mức độ yêu cầu theo thang năng lực Bloom.*

4. Thời gian đào tạo: 4 năm

5. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Kiến thức	Khối lượng (tín chỉ)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương	**34**	
1.1. Các học phần lý luận chính trị Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh (BB)	11	
1.2. Các học phần của Trường (BB)	15	Trường quy định bắt buộc
1.3. Các học phần của Trường (TC)	8	SV tự chọn từ tổ hợp của Trường quy định, SV tự chọn 8 TC (4 học phần)
2. Kiến thức cơ sở nhóm ngành và ngành	**28**	

2.1. Kiến thức Cơ sở nhóm ngành (Kinh tế & Kinh doanh) - bắt buộc	15	
2.2. Kiến thức cơ sở ngành - bắt buộc	13	
3. Kiến thức ngành	**32**	
3.1 Kiến thức ngành	26	
3.2 Kiến thức liên ngành, đồng giảng	6	
4. Kiến chuyên ngành	**18**	
5. Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp/học phần chuyên đề	**8**	
5.1 Thực tập cuối khóa	4	
5.2 Chọn 1 trong 2 phương án sau: 5.2.1. Khóa luận tốt nghiệp 5.2.2. Chuyên đề cuối khóa	4	
Tổng	**120**	Không kể phần kiến thức: Ngoại ngữ, Tin học, Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng.

6. Đối tượng tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của ĐHQG TP. Hồ Chí Minh.

- Phương thức tuyển sinh, tổ hợp tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh: Thực hiện theo Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường.

7. Quy trình đào tạo

7.1. Căn cứ pháp lý

Việc tổ chức đào tạo và quản lý đào tạo được thực hiện theo:

- Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn CTĐT, xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của GDĐH.

- Thông tư số 35/2021/TT-BGDĐT ngày 6 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định việc biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng tài liệu giảng dạy, giáo trình GDĐH.

- Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ

Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

- Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 6 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của GDĐH.

- Quyết định số 1342/QĐ-ĐHQG ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP.HCM về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học.

- Quyết định số 1268/QĐ-ĐHKTL ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.

- Căn cứ Quyết định 226/QĐ-ĐHQG ngày 19 tháng 03 năm 2021 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc mở ngành đào tạo Quản lý công, trình độ đại học của Khoa Chính trị - Hành chính.

- Căn cứ Quyết định 1867/QĐ-ĐHQG ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về công tác tổ chức.

- Quyết định số 1912/QĐ-ĐHKTL ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc ban hành Quy định công tác Cố vấn học tập của Trường Đại học Kinh tế - Luật.

7.2. Triển khai thực hiện chương trình

- Phân bố thời gian đào tạo: các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức chuyên nghiệp được thực hiện trung bình trong 10 học kỳ (4 năm). Sinh viên có thể đăng ký học vượt các học phần nếu đã tích lũy đủ tín chỉ các học phần tiên quyết để tốt nghiệp trước hạn.

- Phương pháp dạy và học: Theo từng học phần.

- Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp hoặc chuyên đề.

- Thực tập cuối khóa: Sinh viên đăng kí học phần này khi đã tích lũy được tối thiểu 100 tín chỉ toàn Khóa học.

- Khóa luận tốt nghiệp: Sinh viên có thể đăng ký thực hiện khóa luận tốt nghiệp của khóa học hoặc chọn các học phần chuyên đề.

7.3. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Đánh giá đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo được triển khai theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và của Trường Đại học Kinh tế - Luật.

7.4. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp cử nhân chương trình đào tạo khi có đủ các điều kiện sau:

- Được công nhận là sinh viên hệ chính quy của Trường theo đúng ngành cấp bằng

tốt nghiệp.

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

- Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ, chứng chỉ Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất và hoàn thành các học phần điều kiện theo quy định của ĐHQG-HCM và của Trường.

- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt trung bình trở lên (Không học phần nào có điểm dưới 5.0).

- Điểm rèn luyện đạt quy định theo Quy chế công tác sinh viên.

- Hoàn tất nghĩa vụ tài chính theo quy định của Trường.

- Tại thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

8. Cách thức đánh giá

Cách thức đánh giá thực hiện theo quy định của Quyết định số 1268/QĐ-ĐHKTL ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Kinh tế - Luật và các quy định hiện hành khác.

9. Nội dung chương trình đào tạo

Khối kiến thức toàn khóa là 120 tín chỉ (không kể phần kiến thức ngoại ngữ, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh).

Cấp đào tạo	Thời gian đào tạo	Tổng khối lượng kiến thức	Khối kiến thức đại cương	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				
				Tổng	Kiến thức cơ sở nhóm ngành và ngành	Kiến thức ngành	Chuyên ngành	Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp/ học phần chuyên đề
Đại học	4 năm	120	34	86	28	32	18	8

9.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương: 34 tín chỉ

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Khối lượng kiến thức		
				LT	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN
1.1. Lý luận chính trị Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh			**11**			

Học phần bắt buộc			**11**			
1	BDG1001	Triết học Mác – Lênin Marxist-Leninist Philosophy	3	3		
2	BEE1002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin Marxist-Leninist Political Economy	2	2		
3	BDG1003	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	2	2		
4	BDG1004	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh's Ideology	2	2		
5	BDG1005	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam History of Vietnamese Communist Party	2	2		
1.2. Các học phần của Trường			**23**			
Học phần bắt buộc			**15**			
1	BEE1037	Kinh tế vi mô Microeconomics	3	3		
2	BEE1038	Kinh tế vĩ mô Macroeconomics	3	3		
3	BLB1048	Nhập môn luật học Introduction to Law	3	3		
4	BKB1046	Luật doanh nghiệp Law on **Enterprises**	3	3		
5	BBB1067	Quản trị học Management	3	3		
Học phần tự chọn			**8**			
1	BDG1006	Tâm lý ứng dụng Applied Psychology	2	2		
2	BDG1016	Trách nhiệm xã hội và phục vụ cộng đồng Social Responsibility and Community Services	2	2		
3	BKT1065	Tư duy phản biện Critical Thinking	2	2		
4	BDG1009	Quan hệ quốc tế	2	2		

		International Relations				
5	BEE5042	Phát triển bền vững Sustainable Development	2	2		
6	BIE1065	Năng lực số trong học tập và nghề nghiệp Digital Competencies for Academic and Professional Success	2	2		
7	BDG1011	Logic học Introduction to Logic	2	2		
8	BFF1047	Tài chính cá nhân Personal Finance	2	2		
9	BBM1065	Sáng tạo và khởi nghiệp Creativity and Entrepreneurship	2	2		
10	BBB1068	Kỹ năng lãnh đạo Leadership	2	2		

9.2. Kiến thức cơ sở nhóm ngành và ngành: 28 tín chỉ

9.2.1. Kiến thức cơ sở nhóm ngành (kinh doanh và quản lý): 15 tín chỉ

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Khối lượng kiến thức		
				LT	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN
Học phần bắt buộc			**15**			
1	BMM2049	Toán Kinh tế Mathematics for Economics	4	4		
2	BMA2045	Nhập môn phân tích dữ liệu Introduction to Data Analysis	2	2		
3	BAA2028	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	3	3		
4	BFF2044	Nguyên lý thị trường tài chính Principles of Financial Markets	3	3		
5	BFF2071	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế và quản lý Research Methodology for Economics and Management	3	3		

9.2.2. Kiến thức cơ sở ngành: 13 tín chỉ

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)		
				Lý thuyết	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN
Học phần bắt buộc			**13**			
1	BAA2029	Kế toán tài chính Financial Accounting	3	3		
2	BFF2045	Quản trị tài chính Financial Management	3	3		
3	BBM2066	Marketing Marketing	2	2		
4	BBU4002	Lý luận về quản lý công Public Management Theory	3	3		
5	BBU3093	Chính trị học trong quản lý công Political Science in Public Management	2	2		

9.3. Khối kiến thức ngành: 32 tín chỉ

9.3.1. Kiến thức ngành: 26 tín chỉ

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Khối lượng kiến thức		
				Lý thuyết	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN
Kiến thức ngành – Bắt buộc			**21**			
1	BBU4094	Khoa học hành chính Administrative Science	3	3		
2	BBU4001	Tổ chức bộ máy nhà nước Government Organization and Structure	3	3		
3	BBU4017	Quản trị nguồn nhân lực khu vực công Human Resource Management in Public Sector	3	3		
4	BBU4095	Quản lý công vụ, công chức Public Service and Civil Servants Management	3	3		

5	BBU4027	Dịch vụ công Public Service	3	3		
6	BBU4091	Quản lý nhà nước đối với ngành, lãnh thổ Sectoral and Regional Governance	3	3		
7	BBU4028	Quản lý tài chính công Public Financial Management	3	3		
Kiến thức ngành - Tự chọn			**5**			
Nhóm 1 (Chọn 1 HP)			**3**			
1	BBU4035	Quản trị toàn cầu Global Management	3	3		
2	BLB2050	Luật hành chính Administrative Law	3	3		
Nhóm 2 (Chọn 1 HP)			**2**			
1	BBU4096	Chuyển đổi số trong khu vực công Digital Transformation in Public Sector	2	2		
2	BBM5073	Quan hệ công chúng Public Relations	2	2		
3	BBM4085	Tổ chức sự kiện Event Management	2	2		

9.3.2. Kiến thức liên ngành, đồng giảng: 6 TC

TT	**Mã học phần**	**Tên học phần**	**Số TC**	**Khối lượng kiến thức**		
				Lý thuyết	**Thực hành tích hợp**	**TH tại PM, MP, DN**
Học phần bắt buộc			**6**			
1	BEM5002	Chính sách công Public Policy	3	3		
2	BBU4097	Quản trị văn phòng Office Management	3	3		

9.3.3. Kiến thức chuyên ngành (cốt lõi): 18 tín chỉ

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)		
				Lý thuyết	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN
1	BBU4010	Thủ tục hành chính Administrative Procedures	3	3		
2	BBU4087	Lãnh đạo trong khu vực công Leadership in Public Sector	3	3		
3	BBU4038	Quản trị địa phương Local Governance	3	3		
4	BBU4088	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính Administrative Document Drafting Skills	3	3		
5	BBU4092	Quản lý đầu tư công Public Investment Management	3	3		
6	BBU4039	Kiểm soát trong quản lý công Control in Public Management	3	3		

9.3.4. Kiến thức thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp/học phần chuyên đề: 8 tín chỉ

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Khối lượng kiến thức		
				Lý thuyết	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN
Học phần bắt buộc			8			
1	BUU6133	Thực tập cuối khóa Internship	4		4	
2	BUU6161	Khóa luận tốt nghiệp Graduation Thesis	4	4		
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			4			

1	BBU4026	Chuyên đề: Quản trị chiến lược khu vực công Special topics in Strategic Management in the Public Sector	2	2		
2	BBU4032	Chuyên đề: Chính sách môi trường và phát triển bền vững Special topics in Environmental Policy and Sustainable Development	2	2		

9.4. Các học phần cốt lõi

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số Tiết	Học phần tiên quyết	Học phần học trước
1	BBU4002	Lý luận về quản lý công Public Management Theory	3	45		BBB1067
2	BBU4001	Tổ chức bộ máy nhà nước Government Organization and Structure	3	45		BBU4094
3	BBU4017	Quản trị nguồn nhân lực khu vực công Human Resource Management in Public Sector	3	45		BBB1067
4	BBU4027	Dịch vụ công Public Services	3	45		BBU4002
5	BBU4091	Quản lý nhà nước đối với ngành, lãnh thổ Sectoral and Regional Governance	3	45		BBU4002

9.5. Bằng phụ: Không

10. Kế hoạch giảng dạy

TT	Mã HP	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)				Học phần tiên quyết	Học phần học trước
			Tổng	LT	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN		
HỌC KỲ 1			**15**					
Học phần bắt buộc			**11**					
1	BEE1037	Kinh tế vi mô Microeconomics	3	3				
2	BLB1048	Nhập môn luật học Introduction to Law	3	3				
3	BBB1067	Quản trị học Management	3	3				
4	BBM2066	Marketing Marketing	2	2				
Học phần giáo dục thể chất			**3**					
5	BDG1012	Giáo dục thể chất 1 Physical Education 1			3			
Học phần tự chọn (Chọn 2 HP)			**4**					
6	BFF1047	Tài chính cá nhân Personal Finance	2	2				
7	BBM1065	Sáng tạo và khởi nghiệp Creativity and Entrepreneurship	2	2				
8	BBB1068	Kỹ năng lãnh đạo Leadership	2	2				
9	BDG1006	Tâm lý ứng dụng Applied Psychology	2	2				
10	BDG1009	Quan hệ quốc tế International Relations	2	2				
11	BDG1011	Logic học	2	2				

		Introduction to Logic						
12	BIE1065	Năng lực số trong học tập và nghề nghiệp Digital Competencies for Academic and Professional Success	2	2				
13	BDG1016	Trách nhiệm xã hội và phục vụ cộng đồng Social Responsibility and Community Service	2	2				
14	BKT1065	Tư duy phản biện Critical Thinking	2	2				
15	BEE5042	Phát triển bền vững Sustainable Development	2	2				
Học kỳ 2			**15**					
Các học phần bắt buộc			**15**					
1	BAA2028	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	3	3				
2	BBU4094	Khoa học hành chính Administrative Science	3	3				
3	BBU4002	Lý luận về quản lý công Public Management Theory	3	3				BBB1067
4	BKB1046	Luật doanh nghiệp Law on Enterprises	3	3				
5	BEE1038	Kinh tế vĩ mô Macroeconomics	3	3				BEE1037
Học phần giáo dục thể chất			**3**					
6	BDG1013	Giáo dục thể chất 2 Physical Education 2	3					
Học kỳ 3			**14**					
Học phần bắt buộc			**10**					

1	BBU4001	Tổ chức bộ máy nhà nước Government Organization and Structure	3	3				BBU4094
2	BMM2049	Toán Kinh tế Mathematics for Economics	4	4				
3	BDG1001	Triết học Mác - Lênin Marxist-Leninist Philosophy	3	3				
Học phần giáo dục quốc phòng								
4	BDG1014	Giáo dục Quốc phòng National Defense Education						
Học phần tự chọn (Chọn 2 HP)			**4**					
5	BFF1047	Tài chính cá nhân Personal Finance	2	2				
6	BBM1065	Sáng tạo và khởi nghiệp Creativity and Entrepreneurship	2	2				
7	BBB1068	Kỹ năng lãnh đạo Leadership	2	2				
8	BDG1006	Tâm lý ứng dụng Applied Psychology	2	2				
9	BDG1009	Quan hệ quốc tế International Relations	2	2				
10	BDG1011	Logic học Introduction to Logic	2	2				
11	BIE1065	Năng lực số trong học tập và nghề nghiệp Digital Competencies for Academic and Professional Success	2	2				
12	BDG1016	Trách nhiệm xã hội và phục vụ cộng đồng	2	2				

		Social Responsibility and Community Service						
13	BKT1065	Tư duy phản biện Critical Thinking	2	2				
14	BEE5042	Phát triển bền vững Sustainable Development	2	2				
Học kỳ 4			**15**					
Học phần bắt buộc			**15**					
1	BEE1002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin Marxist-Leninist Political Economy	2	2				
2	BFF2044	Nguyên lý thị trường tài chính Principles of Financial Markets	3	3				
3	BMA2045	Nhập môn phân tích dữ liệu Introduction to Data Analysis	2	2				
4	BFF2071	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế và quản lý Research Methodology for Economics and Management	3	3				
5	BBU3093	Chính trị học trong quản lý công Political Science in Public Management	2	2				
6	BEM5002	Chính sách công Public Policy	3	3				BBU4002
Học kỳ 5			**14**					
Học phần bắt buộc			**11**					

1	BDG1003	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	2	2				
2	BAA2029	Kế toán tài chính Financial Accounting	3	3				BAA2028
3	BFF2045	Quản trị tài chính Financial Management	3	3				
4	BBU4017	Quản trị nguồn nhân lực khu vực công Human Resource Management in Public Sector	3	3				BBB1067
Học phần tự chọn (Chọn 1 HP)			**3**					
5	BBU4035	Quản trị toàn cầu Global Management	3	3				
6	BLB2050	Luật hành chính Administrative Law	3	3				BLB1048
Học kỳ 6			**13**					
Học phần bắt buộc			**11**					
1	BBU4010	Thủ tục hành chính Administrative Procedures	3	3				BBU4001
2	BBU4012	Lãnh đạo trong khu vực công Leadership in Public Sector	3	3				BBU4002
3	BBU4095	Quản lý công vụ, công chức Public Service and Civil Servants Management	3	3				BBU4017
4	BDG1005	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam History of Vietnamese Communist Party	2	2				
Học phần tự chọn (Chọn 1HP)			**2**					

5	BBU4096	Chuyển đổi số trong khu vực công Digital Transformation in Public Sector	2	2				
6	BBM5073	Quan hệ công chúng Public Relations	2	2				
7	BBM4085	Tổ chức sự kiện Event Management	2	2				
Học kỳ 7			**9**					
Học phần bắt buộc			**9**					
1	BBU4027	Dịch vụ công Public Services	3	3				BBU4002
2	BBU4091	Quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ Sectoral and Regional Governance	3	3				BBU4002
3	BBU4088	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính Administrative Document Drafting Skills	3	3				BBU4001
Học kỳ 8			**9**					
Học phần bắt buộc			**9**					
1	BBU4097	Quản trị văn phòng Office Management	3	3				BBB1067
2	BBU4038	Quản trị địa phương Local Management	3	3				BBU4002
3	BBU4028	Quản lý tài chính công Public Financial Management	3	3				BFF2045
Học kỳ 9			**8**					
Học phần bắt buộc			**8**					
1	BBU4039	Kiểm soát trong quản lý công Control in Public Management	3	3				BBU4001

2	BDG1004	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh's Ideology	2	2				
3	BBU4092	Quản lý đầu tư công Public Investment Management	3	3				BEM5002
Học kỳ 10			**8**					
Học phần bắt buộc			**4**					
1	BUU6133	Thực tập cuối khóa Internship	4					
Học phần tự chọn (Học 2 chuyên đề hoặc khóa luận tốt nghiệp)			**4**					
2	BBU4032	Chuyên đề: Chính sách môi trường và phát triển bền vững Special Topics in Environmental Policy and Sustainable Development	2					
3	BBU4026	Chuyên đề: Quản trị chiến lược khu vực công Special Topics in Strategic Management in Public Sector	2					
4	BUU6161	Khóa luận tốt nghiệp Graduation Thesis	4					

11. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

11.1. Học phần: Kinh tế vi mô

Thời lượng (số tín chỉ): 03

Nội dung học phần: Học phần thuộc khối kiến thức khoa học kinh tế. Nội dung của học phần bao gồm 9 chương liên quan đến những vấn đề cơ bản của kinh tế học vi mô như quy luật cung – cầu và cân bằng trên thị trường sự can thiệp của chính phủ. lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng. lý thuyết sản xuất và hành vi tối đa hóa lợi nhuận trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn, thị trường độc quyền thuần túy, thị trường cạnh tranh độc quyền và thị trường độc quyền nhóm. lý thuyết về thị trường các yếu tố sản xuất, kinh tế quốc tế và lợi ích từ ngoại thương. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến

thức kinh tế cơ bản, hiểu rõ hơn cách thức đạt đến trạng thái cân bằng của thị trường, và những quyết định phối hợp tiêu dùng, phối hợp đầu vào hay lựa chọn mức sản lượng nhằm tối đa hóa lợi ích, tối đa hóa lợi nhuận, tối đa hóa doanh thu hoặc tối thiểu hóa chi phí sản xuất. đồng thời trang bị những công cụ hỗ trợ đắc lực cho việc học tập và nghiên cứu các sự kiện và hiện tượng kinh tế.

11.2. Học phần: Nhập môn luật học

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Nội dung học phần: Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những khối kiến thức sau:Khối kiến thức chung về pháp luật như khái niệm, đặc điểm, nguồn gốc, các học thuyết pháp luật, nguồn luật và các dòng luật. Quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật. Xây dựng pháp luật và thực hiện pháp luật. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý. Nhà nước và các định chế pháp lý. Nghề luật và các kỹ năng pháp lý cơ bản.

11.3. Học phần: Quản trị học

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Nội dung học phần: Quản trị học là một trong những học phần nằm trong nhóm kiến thức cơ sở ngành bắt buộc của khối ngành Kinh tế và Quản lý kinh doanh. Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chức năng quản trị trong tổ chức (kinh doanh và không kinh doanh) như hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát. Bên cạnh những chức năng, kiến thức cơ bản, những kỹ năng quản trị được đào tạo trong chương trình sẽ giúp cho người học phát triển khả năng phân tích, giải quyết các vấn đề trong tổ chức nhằm đạt được mục tiêu mà tổ chức theo đuổi.

11.4. Học phần: Giáo dục thể chất

Thời lượng (số tín chỉ): 6 tiết

Nội dung học phần: Giáo dục thể chất là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Nội dung học phần gồm các nguyên tắc và phương pháp luyện tập thể dục thể thao và tác dụng của việc luyện tập này đối với sự phát triển của cơ thể. các kỹ thuật và các luật qui định đối với một số môn thể thao như chạy cự ly trung bình, bóng chuyền... Học phần cung cấp kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen luyện tập thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, hoàn thiện nhân cách, nâng cao khả năng học tập, kỹ năng hoạt động xã hội với tinh thần, thái độ tích cực, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

11.5. Học phần: Marketing

Thời lượng (số tín chỉ): 02

Nội dung học phần: Bao gồm các khái niệm các nguyên tắc cơ bản cần thiết để hình thành nền tảng Marketing. Nội dung tập trung vào các tìm hiểu các bước cơ bản trước khi đề xuất và triển khai chiến lược Marketing hỗn hợp 4P (sản phẩm, giá, phân phối và xúc tiến hỗn hợp) bao gồm phân tích các yếu tố môi trường tác động đến các hoạt động Marketing, hành vi khách hàng và phương thức S-T-P (phân khúc thị trường, thị trường mục tiêu và định vị).

11.6. Học phần: Tâm lý ứng dụng

Thời lượng (số tín chỉ): 02

Nội dung học phần: Giới thiệu về đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của Tâm lý học nói chung. vài nét về lịch sử hình thành Tâm lý học. bản chất của hiện tượng Tâm lý người. những đặc điểm đặc trưng của các hiện tượng Tâm lý cơ bản của con người: các quá trình nhận thức, tình cảm, ý chí và nhân cách và một số hiện tượng tâm lý trong tập thể.

11.7. Học phần: Trách nhiệm xã hội và phục vụ cộng đồng

Thời lượng (số tín chỉ): 02

Nội dung học phần: Học phần Trách nhiệm xã hội và Phục vụ cộng đồng nhằm giúp người học hiểu rõ về khái niệm, vai trò, và ý nghĩa của trách nhiệm xã hội (CSR - Corporate Social Responsibility) trong các tổ chức và cá nhân, đồng thời phát triển kỹ năng và thái độ tích cực để tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng. Môn học khuyến khích người học đóng góp vào sự phát triển bền vững của xã hội thông qua các hành động thiết thực.

11.8. Học phần: Tư duy phản biện

Thời lượng (số tín chỉ): 02

Nội dung học phần: Học phần Tư duy phản biện nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản để phát triển khả năng tư duy độc lập, phân tích logic và đánh giá vấn đề một cách khách quan. Nội dung học phần giúp sinh viên hiểu rõ vai trò của tư duy phản biện trong học tập, công việc và cuộc sống. hình thành khả năng nhận diện, phân tích và đánh giá các lập luận, đồng thời tránh những lỗi tư duy phổ biến. biết kết hợp tư duy phản biện và sáng tạo để đề xuất các giải pháp thực tiễn. biết ứng dụng việc đánh giá thông tin, lập luận và ra quyết định trong các lĩnh vực quản lý, kinh tế và luật. Môn học hướng đến phát triển khả năng tranh biện, thuyết phục và ra quyết định dựa trên dữ liệu và lý luận chặt chẽ, giúp sinh viên sẵn sàng đối mặt với các thách thức trong môi trường công việc và xã hội hiện đại.

11.9. Học phần: Quan hệ quốc tế

Thời lượng (số tín chỉ): 02

Nội dung học phần: Học phần thuộc khối kiến thức Khoa học xã hội. Học phần giới thiệu quá trình hình thành và phát triển học phần, các lý thuyết quan hệ quốc tế chủ yếu, những vấn đề lý luận và các quan niệm khác nhau về từng vấn đề trong nghiên cứu quan hệ quốc tế. Nội dung học phần bao gồm các chương về yếu tố tổ chức. yếu tố phi tổ chức. quyền lực trong quan hệ quốc tế. hệ thống quan hệ quốc tế. ngoại giao. mâu thuẫn và xung đột trong quan hệ quốc tế. hợp tác và phối hợp trong quan hệ quốc tế.

11.10. Học phần: Phát triển bền vững

Thời lượng (số tín chỉ): 02

Nội dung học phần: Học phần Phát triển bền vững cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về khái niệm, nguyên tắc và các phương pháp tiếp cận trong phát triển

bền vững, đồng thời giúp sinh viên hiểu rõ mối quan hệ giữa phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, và công bằng xã hội. Học phần hướng đến việc trang bị kỹ năng phân tích, đánh giá và đề xuất các giải pháp bền vững trong các lĩnh vực khác nhau.

11.11. Học phần: Nguyên lý kế toán

Thời lượng (số tín chỉ): 03

Nội dung học phần: Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Nội dung học phần giới thiệu các kiến thức cơ bản về nguyên lý hoạt động kế toán, bao gồm: bản chất đối tượng và phương pháp kế toán. bảng cân đối kế toán và các báo cáo tài chính khác. tài khoản và ghi sổ kép. các nghiệp vụ, sổ sách kế toán như chứng từ và kiểm kê, tính giá các đối tượng kế toán, kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu, sổ sách và hình thức kế toán. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về kế toán bao gồm bản chất của kế toán, các nguyên tắc kế toán và các phương pháp kế toán trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin phục vụ cho việc ra quyết định của các đối tượng sử dụng thông tin báo cáo tài chính. giúp cho sinh viên hiểu được các phương pháp của kế toán, làm nền tảng để có thể nghiên cứu học phần tiếp theo.

11.12. Học phần: Khoa học hành chính

Thời lượng (số tín chỉ): 03

Nội dung học phần: Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về khoa học hành chính: lý luận chung về hành chính, hành chính nhà nước, hành chính công. các học thuyết về hành chính. kiến thức về các yếu tố của nền hành chính cũng như các kiến thức nghiệp vụ, kỹ năng trong quản lý, điều hành hoạt động hành chính của các cơ quan đơn vị, tổ chức và doanh nghiệp. Môn học sẽ cung cấp những kiến thức nền tảng, những phương pháp cơ bản cho người học trong tiếp cận những kiến thức thuộc khoa học quản lý nhà nước, khoa học tổ chức và khoa học luật.

11.13. Học phần: Lý luận về quản lý công

Thời lượng (số tín chỉ): 03

Nội dung học phần: Môn học Lý luận về Quản lý công thuộc hệ thống các môn học cơ sở ngành trong chương trình đào tạo Cử nhân Quản lý công, nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng và chuyên sâu về khu vực công cũng như hoạt động quản lý trong khu vực này. Môn học cung cấp một cách tiếp cận toàn diện về bản chất, đặc điểm, chức năng và các phương pháp quản lý khu vực công, giúp sinh viên hiểu rõ sự khác biệt giữa khu vực công và khu vực tư. Nội dung chính bao gồm: tổng quan về khu vực công, các mô hình và phương pháp quản lý công, quản lý nguồn nhân lực, quản lý tài chính công, cung ứng dịch vụ công và các cơ chế nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý khu vực công. Thông qua môn học, sinh viên không chỉ nắm vững các lý thuyết và công cụ quản lý, mà còn phát triển kỹ năng phân tích, đánh giá và vận dụng kiến thức vào thực tiễn quản lý tại các tổ chức công. Môn học cũng nhấn mạnh vai trò của nhà nước trong quản lý khu vực công, các xu hướng cải cách hành chính và ứng dụng các mô hình quản lý hiện đại nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của khu vực công.

11.14. Học phần: Luật doanh nghiệp

Thời lượng (số tín chỉ): 03

Nội dung học phần: Học phần Luật doanh nghiệp cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các khóa học kinh doanh, nắm bắt các nội dung cơ bản của một số vấn đề pháp lý liên quan đến doanh nghiệp, các vấn đề pháp lý trong quan hệ kinh doanh nội bộ doanh nghiệp.

11.15. Học phần: Kinh tế vĩ mô

Thời lượng (số tín chỉ): 03

Nội dung học phần: Học phần thuộc khối kiến thức khoa học kinh tế. Nội dung của học phần gồm 9 chương tập trung các nội dung cơ bản như: Nghiên cứu cơ chế vận hành và các yếu tố quyết định các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô. đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô. xác định tổng cung, tổng cầu và vai trò, tác động các của chính sách tài khoá, chính sách tiền tệ, chính sách ngoại thương và chính sách tỷ giá đối với nền kinh tế. nguyên cứu, tìm hiểu mối quan hệ giữa các chỉ số kinh tế vĩ mô, tăng trưởng kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn. Học phần trang bị cho sinh viên những lý thuyết, nguyên lý cơ bản về kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của chính phủ. giúp sinh viên nắm được những công cụ chính sách kinh tế vĩ mô để điều tiết và ổn định hoá nền kinh tế. vận dụng kiến thức kinh tế vĩ mô để thấy được tác động đến doanh nghiệp và ra quyết định trong kinh doanh.

11.16. Học phần: Giáo dục quốc phòng

Thời lượng (số tín chỉ): 08 – 165 tiết

Nội dung học phần: Giáo dục quốc phòng là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Nội dung học phần gồm IV phần. Phần I - Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam. phần II - Công tác quốc phòng và an ninh. phần III- Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn. phần IV - Hiểu biết chung về quân, binh chủng. Học phần cung cấp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh. xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân. bổ sung kiến thức về phòng thủ dân sự và kỹ năng quân sự. sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc.

11.17. Học phần: Kế toán tài chính

Thời lượng (số tín chỉ): 03

Nội dung học phần: Nội dung học phần bao gồm những kiến thức về bản chất nghiệp vụ kinh tế - tài chính phát sinh, ghi nhận các phần hành kế toán cơ bản:Kế toán các quá trình sản xuất - kinh doanh chủ yếu của doanh nghiệp. Kế toán các khoản đầu tư. Kế toán các khoản vay. Kế toán hoạt động khác và xác định kết quả kinh doanh. Kế toán vốn chủ sở hữu và tìm hiểu một số quy định, cơ sở dữ liệu, nguyên tắc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về kế toán tài chính để giải quyết một số vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực kế toán. Kỹ năng tổ chức

nghề nghiệp và thực hành kế toán – kiểm toán (có thể tham gia vào công việc tư vấn kế toán, tài chính và thuế trong các doanh nghiệp). có khả năng tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu về nghề nghiệp kế toán – kiểm toán.

11.18. Học phần: Toán Kinh tế

Thời lượng (số tín chỉ): 04

Nội dung học phần: Môn học này cung cấp nền tảng toán học cho việc nghiên cứu sâu hơn trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, quản lý và các ngành liên quan. Phần đầu tiên cung cấp cho sinh viên kiến thức nhập môn về đại số tuyến tính, giải tích và một số ứng dụng của chúng. Phần thứ hai giới thiệu về xác suất và thống kê ứng dụng trong các tình huống thực tế. Các chủ đề được giảng dạy trong môn học này gồm: Ma trận, hệ phương trình tuyến tính và một số ứng dụng của chúng. Giải tích một biến và nhiều biến, cùng cách áp dụng trong thực tế. Lý thuyết xác suất và một số phân phối xác suất phổ biến. Thống kê cơ bản, bao gồm thống kê mô tả và thống kê suy diễn. Cách áp dụng kiến thức thống kê để giải quyết các tình huống thực tế. Một số phần mềm phổ biến có thể được sử dụng để hỗ trợ tính toán, xử lý dữ liệu và các ứng dụng.

11.19. Học phần: Triết học Mác – Lênin

Thời lượng (số tín chỉ): 03

Nội dung học phần: Trang bị cho sinh viên hệ thống những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của Triết học Mác - Lênin. Bước đầu biết vận dụng các nguyên lý cơ bản của Triết học Mác - Lênin vào phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn cuộc sống đặt ra.

11.20. Học phần: Tổ chức bộ máy nhà nước

Thời lượng (số tín chỉ): 03

Nội dung học phần: Học phần thuộc hệ thống các môn cơ sở ngành trong chương trình đào tạo Cử nhân ngành Quản lý công. Môn học giới thiệu và trang bị kiến thức về tổ chức và vận hành các cơ quan trong hệ thống bộ máy nhà nước từ Trung ương đến địa phương, góp phần xây dựng bộ máy quản lý khoa học, chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động của quản lý nhà nước nhà nước.

11.21. Học phần: Kỹ năng lãnh đạo (Leadership)

Thời lượng (số tín chỉ): 02

Nội dung học phần: Trên nền tảng hiểu được bản chất của con người, các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý của con người, các qui luật tâm lý, người học có thể vận dụng kiến thức về các kỹ năng của nhà lãnh đạo (Phong cách, Quyền hạn, Động viên, Tâm lý) vào trong việc xử lý các tình huống thực tế, nhằm đạt được hiệu quả trong quản lý. Sinh viên có thể vận dụng linh hoạt từng kỹ năng của nhà lãnh đạo vào ứng xử các tình huống cụ thể. Kỹ năng Phong cách với Mô hình 3 phong cách: Độc đoán, Dân chủ, Tự do. Kỹ năng Quyền hạn, quyền lực với cơ sở 3 quyền lực: Vị trí, Cá nhân, chính trị. Kỹ năng Động viên, thuyết phục với ứng dụng thuyết Maslow 5 bậc nhu cầu: Căn bản, An toàn, Xã hội, tôn trọng, Thể hiện. Kỹ năng Tâm lý với 3 thuộc tính của Tâm lý: Tính khí, Tính cách, Năng lực

11.22. Học phần: Sáng tạo và khởi nghiệp

Thời lượng (số tín chỉ): 02

Nội dung học phần: Môn học được thiết kế nhằm đáp ứng hai mục tiêu chính xác theo yêu cầu của nhà quản trị công: đánh giá và khuyến khích ý tưởng sáng tạo, cũng như thúc đẩy đổi mới trong khởi nghiệp.Trong quá trình học, sinh viên sẽ được trang bị các công cụ và phương pháp để đánh giá một ý tưởng sáng tạo từ nhiều góc độ, bao gồm khả năng thị trường, tính khả thi kinh doanh, và tiềm năng tăng trưởng. Thông qua các bài tập thực hành và dự án, sinh viên sẽ học cách phát triển ý tưởng từ giai đoạn khởi đầu đến giai đoạn triển khai, từ việc nghiên cứu thị trường, phân tích cạnh tranh đến việc lập kế hoạch kinh doanh và chiến lược tiếp thị. Ngoài ra, môn học còn tập trung vào việc thúc đẩy đổi mới trong khởi nghiệp bằng cách tạo ra môi trường học tập kích thích sự sáng tạo và khuyến khích sinh viên áp dụng những kiến thức và kỹ năng họ học được vào việc xây dựng các dự án khởi nghiệp mới. Qua đó, sinh viên sẽ không chỉ có khả năng đánh giá ý tưởng sáng tạo mà còn trở thành những người lãnh đạo có khả năng thúc đẩy sự đổi mới trong tổ chức.

11.23. Học phần: Logic học

Thời lượng (số tín chỉ): 02

Nội dung học phần: Môn Logic học là khoa học về tư duy hợp lý, giúp người học thao tác hóa khái niệm chính xác, hiệu quả. giúp nâng cao năng lực phán đoán. giúp suy luận hợp lý và bác bỏ ngụy biện. Tóm lại Logic học là khoa học nâng cao kỹ năng tư duy hợp lý và hiệu quả trong quá trình nhận thức thế giới hiện thực và hoạt động thực tiễn.

11.24. Học phần: Tài chính cá nhân

Thời lượng (số tín chỉ): 02

Nội dung học phần: Học phần này đề cập chủ yếu đến khía cạnh quản lý tài chính cá nhân và gia đình. Học phần hướng tới cung cấp các khái niệm tài chính gắn liền với các vấn đề/quyết định tài chính mà cá nhân và hộ gia đình thường xuyên đối mặt trên thực tế như: quản lý nguồn ngân quỹ/thu nhập. thuế. tiết kiệm. mua nhà và các tài sản giá trị, vay mượn, bảo hiểm, đầu tư, hoạch định kế hoạch tài chính học đại học và sau đại học. Thông qua học phần, sinh viên sẽ nắm bắt được các nguyên lý cũng như kỹ thuật/phương pháp để quản lý nguồn thu-chi hay tài sản và nghĩa vụ tài chính của cá nhân/hộ gia đình. Thêm nữa, học phần này cũng đề cập đến các trung gian tài chính trong mối quan hệ của các định chế tài chính với cá nhân/hộ gia đình, cũng như nghiên cứu về các công cụ tài chính được các cá nhân và hộ gia đình sử dụng phổ biến. Nội dung bao quát trong chương trình gồm: Tổng quan lập kế hoạch tài chính cá nhân, lập báo cáo tài chính cá nhân và phân tích, quản trị rủi ro tài chính cá nhân, chi tiêu và lối sống, vay mượn và mối quan hệ, phụng sự và sự nghiệp.

11.25. Học phần: Năng lực số trong học tập và nghề nghiệp

Thời lượng (số tín chỉ): 02

Nội dung học phần: Trong học phần này, sinh viên sẽ nghiên cứu các nguyên tắc

đổi quy trình kinh doanh bằng việc ứng dụng các công nghệ khác nhau, thúc đẩy các chuyển đổi số trong kinh doanh và dẫn đến việc tạo ra các doanh nghiệp thông minh. Học phần này còn thảo luận, sử dụng các công nghệ mới nổi hiện nay làm ví dụ, cách áp dụng các công nghệ này vào các lĩnh vực kinh doanh khác nhau. Qua đó, giúp sinh viên khám phá các cơ hội kinh doanh khác nhau mà công nghệ mới tạo ra và hiểu rõ hơn về cách chúng có thể dẫn đến những thay đổi lớn trong cách kinh doanh và cho phép tạo ra các doanh nghiệp thông minh. Cụ thể, học phần giới thiệu các vấn đề và công nghệ nền tảng trong thời đại mới như: Giới thiệu về công nghệ thông tin và truyền thông, chuyển đổi số, điện toán đám mây (Cloud Computing), dữ liệu lớn (Big data), trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence), công nghệ in 3D, chuỗi khối (Block chain), Internet vạn vật (Internet of Things)

11.26. Học phần: Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Thời lượng (số tín chỉ): 02

Nội dung học phần: Học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Những lý luận cơ bản của kinh tế chính trị học Mác – Lênin, gồm: lý luận sản xuất hàng hoá, các quy luật căn bản của thị trường. lý luận giá trị thặng dư của C.Mác. lý luận về chủ nghĩa tư bản độc quyền và độc quyền nhà nước. Nội dung cơ bản về vận dụng học thuyết Mác- Lênin trong thời kỳ xây dựng CNXH ở Việt Nam: kinh tế thị trường định hướng XHCN. vấn đề sở hữu và quan hệ lợi ích. công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, hội nhập quốc tế.

11.27. Học phần: Nguyên lý thị trường tài chính

Thời lượng (số tín chỉ): 03

Nội dung học phần: Nội dung học phần bao gồm các vấn đề liên quan đến thị trường tài chính quốc gia như tổng quan về thị trường tài chính, thị trường chứng khoán, chứng khoán và giao dịch chứng khoán, thị trường tiền tệ và thị trường hối đoái, nguyên tắc hoạt động của các trung gian tài chính. Đây là những kiến thức nền tảng bắt buộc phải nắm vững để tiếp tục học các học phần, trong đó có quản trị tài chính. Học phần trang bị những kiến thức lý luận và ứng dụng thực hành về thị trường tài chính, thị trường tiền tệ, thị trường hối đoái, thị trường chứng khoán. Trên cơ sở đó, liên hệ vận dụng nghiên cứu trong điều kiện cụ thể thực tiễn Việt Nam. đồng thời giúp cho sinh viên phát triển phương pháp tư duy kinh tế và ứng dụng vào phân tích những sự kiện, hiện tượng, chính sách trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng với những kiến thức đã học.

11.28. Học phần: Nhập môn phân tích dữ liệu

Thời lượng (số tín chỉ): 02

Nội dung học phần: Bao gồm các nội dung liên quan đến việc thu thập được dữ liệu và các biểu diễn mô tả dữ liệu. Phân biệt được các dạng dữ liệu thông qua đồ thị và các kiểm định tương ứng. So sánh sự tương đồng về trung bình của nhiều phân phối xác suất. Trên cơ sở đó giúp cho người học có thể ứng dụng vào các bài toán đã học nhằm giải quyết bài toán thực tiễn.

11.29. Học phần: Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế và quản lý

Thời lượng (số tín chỉ): 03

Nội dung học phần: HP là một hướng dẫn đầy đủ và rõ ràng về quy trình tiến hành nghiên cứu khoa học. Sinh viên sẽ được trang bị kiến thức về cấu trúc và nội dung của báo cáo nghiên cứu, cách trình bày và phân tích dữ liệu nghiên cứu định lượng và định tính, phương pháp diễn đạt khoa học, và cách trích dẫn tài liệu theo chuẩn quốc tế. Học phần cũng nhấn mạnh về tính trung thực, đạo đức trong nghiên cứu và cách thức trình bày một báo cáo nghiên cứu hoàn chỉnh, đáp ứng các yêu cầu học thuật và thực tiễn.

11.30. Học phần: Chính trị học trong quản lý công

Thời lượng (số tín chỉ): 03

Nội dung học phần: Chính trị học là môn học nền tảng của ngành quản lý công. Mục đích của Chính trị học là nghiên cứu đời sống chính trị một cách có hệ thống, từ đó tìm ra những quy luật, hoặc tính quy luật của đời sống chính trị. Chính vì vậy, từ rất sớm, Chính trị học được các nhà tư tưởng ở cả phương Đông và phương Tây quan tâm nghiên cứu nhằm cung cấp các tri thức cho hoạt động chính trị, cũng như góp phần lý giải các hiện tượng, các hành vi chính trị. Chính trị học cũng là khoa học có tính ứng dụng cao. Có thể nói, hệ thống tổ chức quyền lực chính trị của các quốc gia trong thế giới đương đại dựa khá nhiều vào các kết quả nghiên cứu Chính trị học trong suốt chiều dài lịch sử nhân loại. Ở Việt Nam, các cơ sở nghiên cứu và giảng dạy Chính trị học được thành lập có mục tiêu quan trọng là góp phần cung cấp các tri thức về đời sống chính trị, cũng như đưa ra những giải đáp về lý luận và thực tiễn về các vấn đề chính trị thực tế. Hiện nay, nội dung của Chính trị học được đưa vào giảng dạy ở nhiều chương trình khác nhau như: đại học, sau đại học, lý luận chính trị…

11.31. Học phần: Chính sách công

Thời lượng (số tín chỉ): 03

Nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức mang tính lý luận về chính sách công, các phương pháp tiếp cận chính sách công và những yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công hay thất bại của chính phủ trong can thiệp vào thị trường bằng chính sách công… Trên cơ sở đó hình thành cho sinh viên động cơ, thái độ và ý thức tích cực, đúng đắn khi học và tham gia vào các quá trình chính sách công.

11.32. Học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Thời lượng (số tín chỉ): 02

Nội dung học phần: Học phần trang bị những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, cung cấp cho sinh viên những căn cứ lý luận khoa học để hiểu về sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân, những vấn đề mang tính quy luật trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH, đường lối chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội - con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.

11.33. Học phần: Quản trị tài chính

Thời lượng (số tín chỉ): 03

Nội dung học phần: Môn Quản trị tài chính là học phần cơ sở ngành bắt buộc dành cho sinh viên năm 2 (học kỳ 4) của các ngành kinh tế, kinh doanh. Học phần Quản trị tài chính gồm 7 chương cung cấp những kiến thức cơ bản về các chủ đề: nguyên tắc tài chính và cơ chế hoạt động tài chính doanh nghiệp thuộc khối tư nhân, phân tích báo cáo tài chính, lý thuyết rủi ro và lợi nhuận và quyết định hoạch định ngân sách vốn đầu tư. Các nội dung bao quát trong chương trình gồm: Tổng quan về quản trị tài chính, báo cáo tài chính và dòng tiền, phân tích báo cáo tài chính, giá trị theo thời gian của tiền, rủi ro và lợi nhuận, các tiêu chí đánh giá hiệu quả tài chính dự án đầu tư, ước lượng dòng tiền và đánh giá rủi ro dự án.

11.34. Học phần: Quản trị nguồn nhân lực trong khu vực công

Thời lượng (số tín chỉ): 03

Nội dung học phần: Môn học Quản trị nguồn nhân lực khu vực công là một môn học thuộc hệ thống các môn học chuyên ngành trong chương trình đào tạo Cử nhân chuyên ngành quản lý công. Môn học giới thiệu và trang bị kiến thức về quản lý nguồn nhân lực trong khu vực công bao gồm: tổng quan về QTNNL và lịch sử hình thành quản trị nguồn nhân lực (QTNNL). Sau đó người học sẽ tìm hiểu các hoạt động cụ thể về quản lý nguồn lực con người trong tổ chức bao gồm: Lập kế hoạch, phân tích công việc, tuyển dụng, đào tạo và phát triển, đánh giá và quản trị thành thích làm việc, thù lao, và quan hệ lao động – quan hệ trong công việc. Đặc biệt, môn học dành sự chú ý cho QTNNL trong khu vực công, quản trị năng lực và gắn kết người lao động …….nhằm xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự có chất lượng đảm nhận vai trò xây dựng, vận hành và phát triển đối với khu vực công.

11.35. Học phần: Quản trị toàn cầu

Thời lượng (số tín chỉ): 03

Nội dung học phần: là một môn học thuộc hệ thống các môn học cơ sở ngành trong chương trình đào tạo Cử nhân ngành Quản lý công. Môn học tập trung giới thiệu các mô hình hành chính trên thế giới. xu hướng phát triển của các mô hình hành chính trên thế giới. nghiên cứu, giải thích sự giống và khác nhau giữa các nền hành chính trên thế giới nhằm tìm ra các quy luật chung để vận dụng vào việc nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động quản lý, quản trị của quốc gia.

11.36. Học phần: Luật hành chính

Thời lượng (số tín chỉ): 03

Nội dung học phần: Môn này cung cấp cho sinh viên hiểu biết sâu sắc về hệ thống pháp luật quản lý các quy trình và thủ tục hành chính trong các tổ chức chính phủ. Trong suốt quá trình học, sinh viên sẽ tìm hiểu về nhiều khía cạnh của luật hành chính, bao gồm các nguyên tắc quyết định hành chính, các quy trình hành chính, quy trình quy định và vai trò của các cơ quan hành chính. Nội dung môn học bao gồm những vấn đề cơ bản nhất về Luật hành chính, quy phạm pháp luật hành chính và quan

hệ pháp luật hành chính, hình thức và phương pháp quản lý hành chính nhà nước, chủ thể của luật hành chính, trách nhiệm hành chính.

11.37. Học phần: Thủ tục hành chính

Thời lượng (số tín chỉ): 03

Nội dung học phần: Môn học nghiên cứu những vấn đề cơ bản về lý luận và thực tiễn của thủ tục hành chính, giúp người học tiếp cận, vận dụng các khái niệm, vai trò, nguyên tắc, yêu cầu, quy trình của thủ tục hành chính trong hoạt động của bộ máy nhà nước và các vấn đề liên quan đến cải cách thủ tục hành chính. Trên cơ sở đó, người học có thể vận dụng kiến thức của môn học trong việc xây dựng các thủ tục hành chính có liên quan đến hoạt động quản lý hành chính nhà nước.

11.38. Học phần: Lãnh đạo trong khu vực công

Thời lượng (số tín chỉ): 03

Môn học Lãnh đạo trong khu vực công cung cấp kiến thức nền tảng về lý thuyết lãnh đạo, giúp sinh viên hiểu rõ sự khác biệt giữa lãnh đạo và quản lý trong khu vực công. Nội dung học phần bao gồm vai trò, phẩm chất và các phong cách lãnh đạo hiệu quả, đồng thời trang bị kỹ năng ra quyết định, giải quyết xung đột, tạo động lực và thúc đẩy đổi mới trong tổ chức công. Sinh viên sẽ được tiếp cận nghệ thuật lãnh đạo, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến lãnh đạo hiệu quả và đối mặt với thách thức trong bối cảnh quản trị công hiện đại. Môn học cũng rèn luyện tư duy chiến lược, năng lực lãnh đạo và tinh thần trách nhiệm nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong khu vực công.

11.39. Học phần: Quản lý công vụ, công chức

Thời lượng (số tín chỉ): 03

Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức về quản lý các hoạt động công vụ, hệ thống công chức, và các vấn đề liên quan đến tuyển dụng, sử dụng, đánh giá, và phát triển nguồn nhân lực trong khu vực công. Ngoài ra, môn học còn cung cấp kiến thức về cách thức quản lý thực thi công vụ và đạo đức công chức trong quá trình thực thi công vụ.

11.40. Học phần: Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

Thời lượng (số tín chỉ): 02

Nội dung học phần: Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những nhận thức vai trò của Đảng cộng sản Việt Nam trong quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước, kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ. Đồng thời còn cung cấp toàn cảnh những đổi mới quan trọng về nhận thức và chính sách của Đảng từ năm 1986 trở lại đây qua các kỳ đại hội đảng. Những bài học kinh nghiệm này là cơ sở để người học củng cố lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc và ý thức trách nhiệm của người học trong xây dựng niềm tin về sự lãnh đạo của Đảng trong bối cảnh hội nhập hiện nay.

11.41. Học phần: Chuyển đổi số trong khu vực công

Thời lượng (số tín chỉ): 02

Nội dung học phần: Mục tiêu của môn học là trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về chuyển đổi số, thể chế số, hạ tầng số, nguồn nhân lực số, hoạt động chuyển đổi số của một số ngành lĩnh vực hiện nay, các nền tảng số đang được ứng dụng và phát triển hiện nay, kiểm soát rủi ro và đảm bảo an ninh, an toàn trên không gian số. Từ đó, người học có khả năng vận dụng những kiến thức được trang bị để chủ động tham gia vào môi trường số, hình thành kỹ năng và thái độ thích ứng với môi trường số

11.42. Học phần: Quan hệ công chúng

Thời lượng (số tín chỉ): 02

Nội dung học phần: Học phần này đề cập đến những nội dung, quy trình và công cụ chính được sử dụng trong lĩnh vực PR. Nội dung của môn học bao gồm: PR và vai trò của nó trong hoạt động của tổ chức. Quy trình hoạch định chương trình PR. Các công cụ thực thi chính của PR. Đánh giá hiệu quả chương trình PR. Ngoài ra, môn học còn giúp người học tìm hiểu các hoạt động PR cụ thể trong tổ chức và những yêu cầu đối với người làm nghề PR. Trong quá trình học, sinh viên sẽ trao đổi và thảo luận, đồng thời giải quyết vấn đề theo tình huống.

11.43. Học phần: Dịch vụ công

Thời lượng (số tín chỉ): 03

Học phần Dịch vụ công là một học phần chuyên ngành quan trọng trong chương trình đào tạo Cử nhân ngành Quản lý công, cung cấp nền tảng lý luận và thực tiễn về dịch vụ công trong quản trị nhà nước hiện đại. Học phần giúp sinh viên hiểu rõ bản chất, vai trò và tầm quan trọng của dịch vụ công trong việc đáp ứng nhu cầu của xã hội, thúc đẩy sự phát triển bền vững và nâng cao hiệu quả hoạt động của khu vực công. Nội dung môn học bao gồm các khái niệm cơ bản về dịch vụ công, phân loại dịch vụ công theo các tiêu chí khác nhau, cũng như các mô hình cung ứng dịch vụ công trên thế giới và tại Việt Nam. Sinh viên sẽ được tiếp cận các phương thức tổ chức, quản lý và vận hành hệ thống dịch vụ công, bao gồm sự tham gia của nhà nước, khu vực tư nhân và các tổ chức phi chính phủ trong cung ứng dịch vụ công. Thông qua môn học, sinh viên sẽ phát triển tư duy phản biện, kỹ năng phân tích chính sách và khả năng áp dụng các phương pháp quản lý hiện đại vào lĩnh vực dịch vụ công, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính và tổ chức công trong bối cảnh đổi mới và hội nhập quốc tế.

11.44. Học phần: Quản lý nhà nước đối với ngành, lãnh thổ

Thời lượng (số tín chỉ): 03

Nội dung học phần: Là một môn học thuộc hệ thống các môn học kiến thức ngành trong chương trình đào tạo Cử nhân ngành Quản lý công. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận, khái quát cơ bản, có tính hệ thống của khoa học về quản lý nhà nước và việc Nhà nước thực hiện quản lý trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội- khoa học công nghệ, tài nguyên môi trường - đô thị, nông thôn - dân tộc, tôn giáo. Từ đó sinh viên có khả năng phân tích, đánh giá đối với hoạt động quản lý

nhà nước, tham gia hoạch định và phân tích chính sách về lĩnh vực Quản lý công.

11.45. Học phần: Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính

Thời lượng (số tín chỉ): 03

Nội dung học phần: Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết về: soạn thảo các loại văn bản phổ biến trong hoạt động hành chính nhà nước. giải quyết những tình huống thực tế phát sinh trong quá trình làm việc, giao tiếp bằng văn bản giữa các đơn vị trong cùng cơ quan hành chính nhà nước, giữa các cơ quan hành chính nhà nước, giữa cơ quan hành chính nhà nước với công dân và tổ chức khác.

11.46. Học phần: Quản trị văn phòng

Thời lượng (số tín chỉ): 03

Mô tả học phần: Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về quản trị văn phòng trong các tổ chức, bao gồm tổ chức công việc, quản lý hồ sơ, tài liệu, và sử dụng các công cụ hỗ trợ văn phòng hiện đại. Nội dung tập trung vào kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, giám sát hoạt động văn phòng và xử lý các tình huống thực tế nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và điều hành công việc văn phòng.

11.47. Học phần: Quản trị địa phương

Thời lượng (số tín chỉ): 03

Nội dung học phần: là một môn học thuộc hệ thống các môn học kiến thức ngành trong chương trình đào tạo Cử nhân ngành Quản lý công. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chính quyền địa phương và quản trị địa phương: khái niệm, đặc điểm, vai trò, chức năng, chủ thể của quản trị địa phương cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình quản trị địa phương. Từ đó, môn học cũng giới thiệu sinh viên tiếp cận thực tiễn quản trị địa phương trên các phương diện hoạt động khác nhau. trên cơ sở đó, định hướng cho sinh viên tiếp cận những giải pháp nâng cao chất lượng quản trị địa phương ở Việt Nam trong thời gian tới.

11.48. Học phần: Quản lý tài chính công

Thời lượng (số tín chỉ): 03

Môn học Quản lý tài chính công thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình Cử nhân Quản lý công, cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về lý thuyết và thực tiễn quản lý tài chính công tại Việt Nam. Nội dung bao gồm các nguyên tắc, chính sách tài chính công, quy trình lập và thực hiện ngân sách nhà nước, quản lý thu - chi ngân sách, kiểm soát tài chính công và trách nhiệm giải trình. Sinh viên cũng sẽ tìm hiểu vai trò của nhà nước trong điều tiết tài chính, các mô hình quản lý tài chính công hiện đại và các thách thức trong bối cảnh hội nhập. Môn học giúp sinh viên phát triển tư duy phân tích, đánh giá chính sách tài chính công và áp dụng vào thực tiễn quản lý nhà nước.

11.49. Học phần: Kiểm soát trong quản lý công

Thời lượng (số tín chỉ): 03

Nội dung học phần: Môn học Kiểm soát trong Quản lý công trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động kiểm soát trong khu vực công, bao gồm khái niệm, nguyên tắc, vai trò và giá trị của kiểm soát nhằm đảm bảo minh bạch, hiệu quả và trách nhiệm giải trình trong quản lý nhà nước. Việc kiểm soát giúp nâng cao chất lượng hoạt động công vụ, phòng chống tham nhũng và tối ưu hóa việc thực thi chính sách công.

Nội dung môn học bao gồm các vấn đề cốt lõi như tổng quan về kiểm soát quản lý công, các chủ thể thực hiện kiểm soát, các phương thức kiểm soát bên trong và bên ngoài. Bên cạnh đó, môn học cũng giới thiệu các công cụ hỗ trợ kiểm soát như pháp luật, kiểm toán, giám sát xã hội và ứng dụng công nghệ trong quản lý công. Ngoài ra, môn học còn đề cập đến các phương pháp đánh giá hoạt động kiểm soát thông qua các nguyên tắc, tiêu chí cụ thể và các mô hình đánh giá phổ biến như PAR Index, PAPI, SIPAS. Qua đó, sinh viên có thể vận dụng kiến thức để phân tích, đánh giá và đề xuất các giải pháp kiểm soát phù hợp trong thực tiễn quản lý nhà nước, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động công vụ.

11.50. Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Thời lượng (số tín chỉ): 02

Mô tả học phần: Học phần thuộc khối kiến thức lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh. Nội dung học phần gồm 7 chương. Chương 1: trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu học phần. Học phần trang bị cho sinh viên tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc. chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. đại đoàn kết dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại. Đảng Cộng sản Việt Nam. về-xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân. đạo đức, nhân văn và văn hoá. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh. tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta. góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.

11.51. Học phần: Quản lý đầu tư công

Thời lượng (số tín chỉ): 03

Nội dung học phần: Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về quản lý đầu tư công, bao gồm các quy trình, chính sách, và công cụ để quản lý hiệu quả các dự án đầu tư công. Nội dung tập trung vào lập kế hoạch, thẩm định, phân bổ vốn, giám sát, và đánh giá hiệu quả đầu tư công. Ngoài ra, học phần cũng phân tích các thách thức trong quản lý đầu tư công, đảm bảo minh bạch, hiệu quả, và tuân thủ quy định pháp luật trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội.

11.52. Học phần: Thực tập cuối khóa

Thời lượng (số tín chỉ): 04

Nội dung học phần: Thực tập tốt nghiệp là nội dung bắt buộc trong Chương trình

đào tạo cử nhân Quản lý công. Với thời lượng 08 tuần, sinh viên sẽ tham gia công việc cụ thể với tư cách thực tập sinh tại các tổ chức khu vực công (cơ quan Nhà nước, Đảng, chính trị - xã hội từ ở tỉnh, huyện, xã và tương đương. các đơn vị sự nghiệp công lập) và tổ chức khu vực tư (các doanh nghiệp tư nhân. các tổ chức xã hội nghề nghiệp. các tổ chức phi chính phủ, liên kết khu vực ...). Sinh viên sẽ tham gia vào quá trình thực hành các quy trình thực hành nghề nghiệp cụ thể để kiểm nghiệm lý luận vào trong thực tiễn mà công việc yêu cầu. Cùng với sự hướng dẫn của giảng viên phụ trách chuyên môn và người hướng dẫn thực tập tại đơn vị thực tập, thực tập tốt nghiệp sẽ là cơ hội để sinh viên tiếp cận và cập nhật, bổ sung những kiến thức thực tiễn, rèn luyện những kỹ năng cần thiết và hình thành thái độ chuẩn mực trong thực hành nghề nghiệp trong tương lai khi ra trường.

11.53. Học phần: Chính sách môi trường và phát triển bền vững

Thời lượng (số tín chỉ): 02

Nội dung học phần: Học phần cung cấp kiến thức tổng quan về môi trường và phát triển bền vững, các lý thuyết và công cụ chính sách trong kinh tế học môi trường, bao gồm thuế môi trường, giấy phép phát thải, tiêu chuẩn môi trường, và quota phát thải. Học viên sẽ học cách đánh giá tác động môi trường (ô nhiễm không khí, nước, tiếng ồn) và tích hợp trong phân tích chi phí – lợi ích (CBA) cho các dự án kinh tế. Ngoài ra, môn học giới thiệu khung Đánh giá Tác động Môi trường (ĐTM) và các phương pháp ước lượng tác động, đồng thời phân tích các vấn đề phát triển bền vững ở cấp quốc gia, khu vực và cộng đồng, với trọng tâm vào thực trạng tại Việt Nam.

11.54. Học phần: Quản trị chiến lược trong khu vực công

Thời lượng (số tín chỉ): 02

Nội dung học phần: Học phần này được thiết kế trong chương trình đào tạo cử nhân Quản lý công nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức mang tính lý luận về chính sách công, các phương pháp tiếp cận chính sách công và những yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công hay thất bại của chính phủ trong can thiệp vào thị trường bằng chính sách công… Trên cơ sở đó hình thành cho sinh viên động cơ, thái độ và ý thức tích cực, đúng đắn khi học và tham gia vào các quá trình chính sách công.

11.55. Học phần: Khóa luận tốt nghiệp

Thời lượng (số tín chỉ): 04

Nội dung học phần: Nội dung khóa luận tốt nghiệp phản ánh những kiến thức, kỹ năng và thái độ của người học thông qua những hiểu biết chuyên ngành và được chuyển tải thành những kỹ năng chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp được viết với việc tuân thủ chặt chẽ đạo đức học thuật. Để viết khóa luận tốt nghiệp, sinh viên sẽ có một thời gian liên hệ cơ sở thực tế để lấy số liệu hoặc khảo sát. Thời gian còn lại, sinh viên làm việc theo sự chỉ dẫn của giảng viên hướng dẫn để hoàn thiện Khóa luận. Sinh viên phải trải qua kỳ bảo vệ trước hội đồng chấm Khóa luận theo quy định của Trường.

11.56. Học phần: Tổ chức sự kiện

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Nội dung học phần: Học phần này cung cấp các khái niệm quan trọng về môn học tổ chức sự kiện, nội dung tổ chức sự kiện cũng như ý nghĩa xã hội của hoạt động tổ chức sự kiện. Qua đó người học có khả năng hoạch định như nắm được các phương pháp cơ bản trong dự toán ngân sách, sáng tạo kịch bản, xây dựng kế hoạch của quá trình hoạt động sự kiện từ công việc chuẩn bị tới các hoạt động sự kiện, tính toán thời gian cho sự kiện. Khả năng tổ chức – quản trị trong hoạt động chuẩn bị và thực hiện sự kiện.

12. Đội ngũ giảng viên *(xem phụ lục).*

12.1. Danh sách giảng viên cơ hữu

Danh sách giảng viên cơ hữu đảm nhận các học phần kiến thức ngành

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Học phần giảng dạy
1	Nguyễn Thị Thu Hòa	1976	PGS.TS, Quản lý công	- Lý luận về Quản lý công - Quản trị địa phương - Dịch vụ công
2	Trần Văn Trung	1964	TS, Quản lý hành chính công	- Khoa học hành chính - Quản lý nhà nước đối với ngành, lãnh thổ - Quan hệ công chúng - Quản lý đầu tư công
3	Nguyễn Đình Thái	1984	TS, Quản lý công	- Chính trị học trong quản lý công - Tổ chức bộ máy nhà nước - Quản trị chiến lược khu vực công
4	Đào Văn Hân	1989	ThS, Quản lý công	- Chính sách công - Quản lý nguồn nhân lực trong khu vực công - Quản trị văn phòng
5	Lê Đức Lãm	1990	ThS, Quản lý công	- Quản lý công vụ, công chức - Thủ tục hành chính - Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính
6	Nguyễn Minh Huyền Trang	1984	TS, Quản lý công	- Lãnh đạo trong khu vực công - Chính sách môi trường và

				phát triển bền vững - Chuyển đổi số trong khu vực công - Kiểm soát trong quản lý công

Danh sách giảng viên cơ hữu đảm nhận các học phần cơ sở khối ngành

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Học phần giảng dạy
1	Phùng Thanh Bình	1984	PGS.TS, Quản trị kinh doanh	Marketing
2	Mai Lê Thúy Vân	1982	ThS, Kinh tế	Kinh tế vĩ mô
3	Huỳnh Thị Ly Na	1988	ThS, Kinh tế	Kinh tế vi mô
4	Phan Đức Dũng	1967	PGS.TS, Kế toán	Kế toán tài chính
5	Trương Trọng Hiểu	1978	ThS, Luật Kinh tế	Luật hành chính
6	Phạm Quốc Thuần	1974	PGS. TS, Kinh doanh và quản lý	Nguyên lý kế toán
7	Nguyễn Đình Uông	1979	ThS, Toán ứng dụng	Toán kinh tế
8	Nguyễn Thị Thúy Hạnh	1989	TS, Khoa học máy tính	Năng lực số trong học tập và nghề nghiệp
9	Hoàng Thọ Phú	1971	ThS, Quản trị kinh doanh	Nguyên lý thị trường tài chính
10	Lê Anh Vũ	1958	PGS.TS, Toán học	Thống kê trong kinh doanh
11	Trần Hùng Sơn	1981	PGS.TS, Kinh tế tài chính ngân hàng	- Quản trị tài chính - Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế và quản lý
12	Lê Thanh Hoa	1983	TS, Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Nhập môn phân tích dữ liệu
13	Trần Thị Hồng Liên	1983	PGS.TS, Quản trị kinh doanh	Quản trị học
14	Nguyễn Hoàng	1986	TS, Tài chính – Ngân	Tài chính cá nhân

	Anh		hàng	
15	Lê Thị Hà My	1990	ThS, Quản trị khách sạn quốc tế	Tổ chức sự kiện
16	Ngô Hữu Phước	1972	PGS.TS Luật học	Tư duy phản biện
17	Đinh Hoàng Tường Vi	1984	ThS, Kinh tế học	Phát triển bền vững
18	Cung Thục Linh	1991	ThS, Quản trị kinh doanh	Sáng tạo và khởi nghiệp
19	Lê Cát Vi	1991	ThS, Quản trị kinh doanh	Kỹ năng lãnh đạo

12.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Học phần giảng dạy
1	Nguyễn Ngọc Trường Huy	1978	TS, Điện tử - viễn thông	Chuyển đổi số trong khu vực công
2	Lê Đức Hiền	1989	ThS, Quản lý công	Thủ tục hành chính Quản trị chiến lược khu vực công
3	Trần Bá Hùng	1988	TS, Quản lý công	Tổ chức bộ máy nhà nước
4	Trần Thị Vành Khuyên	1987	TS, Quản lý công	Lý luận Quản lý công
5	Lâm Thái Bảo Ngọc	1988	TS, Tài chính - Ngân hàng	Quản lý tài chính công Quản lý đầu tư công
6	Nguyễn Thị Hồng Duyên	1981	TS, Quản lý công	Quản trị nguồn nhân lực khu vực công
7	Lê Văn Gấm	1990	ThS, Quản lý công	Chính sách công Quản trị toàn cầu
8	Nguyễn Đức Kim Ngân	1993	ThS, Quản lý công	Quản trị văn phòng Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính
9	Vũ Thị Hiền	1988	ThS, Quản lý công	Quản lý nhà nước đối với ngành, lãnh thổ Kiểm soát trong quản lý công
10	Cao Thanh Hùng	1989	TS, Quản lý công	Quản trị địa phương Dịch vụ công

11	Nguyễn Văn Tường	1989	TS	Tâm lý ứng dụng
12	Đào Minh Hồng	1961	TS	Quan hệ quốc tế
13	Nguyễn Anh Thường	1973	TS	Logic học
14	Phan Khánh Bằng	1956	ThS	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
15	Đinh Thị Điều	1957	ThS	Tư tưởng Hồ Chí Minh
16	Mạch Thị Khánh Trinh	1973	TS, Triết học	Triết học Mác – Lênin
17	Huỳnh Quốc Thịnh	1980	TS	Chủ nghĩa xã hội khoa học

12.3. Danh sách cố vấn học tập

- PGS. TS. GVCC Nguyễn Thị Thu Hòa, Trưởng Bộ môn Quản lý công.
- ThS Đào Văn Hân, Giảng viên Bộ môn Quản lý công.
- ThS Lê Đức Lãm, Giảng viên Bộ môn Quản lý công.
- TS. GVC Trần Văn Trung, Giảng viên Bộ môn Quản lý công.
- TS Nguyễn Đình Thái, Giảng viên Bộ môn Quản lý công.

13. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo *(xem phụ lục)*

14. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Trên cơ sở những Quy định chung Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Đại học Quốc gia TP.Hồ Chí Minh, Chương trình đào tạo cử nhân Quản lý công theo hệ đào tạo tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Luật được xây dựng căn cứ vào mục tiêu cụ thể, điều kiện thực tế của Trường.

Chương trình được xây dựng trên các nguyên tắc nhất định để đảm bảo tính liên thông, khoa học, đáp ứng nhu cầu xã hội. Các giảng viên được hướng dẫn tuân thủ theo yêu cầu của chương trình.

Các học phần cần được bố trí giảng dạy theo thứ tự thiết kế theo từng học kỳ, theo đúng yêu cầu môn tiên quyết, môn trước, môn sau, môn song hành. Không đơn vị nào được tự ý thay đổi nếu không thông qua Hội đồng khoa học.

Việc thực hiện đào tạo theo chương trình này phải tuân thủ Quy chế về đào tạo theo học chế tín chỉ của Đại học Quốc gia TP.HCM.

Trong quá trình vận hành, CTĐT sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của ngành và thực tiễn.

15. Kế hoạch bảo đảm chất lượng

Trong các lần thực hiện điều chỉnh CTĐT hoặc các kì thực hiện xây dựng kế

hoạch chiến lược, Khoa chủ trì hoặc phối hợp với các đơn vị trong Trường để thực hiện các kế hoạch cải tiến như sau:

Rà soát, điều chỉnh lại mục tiêu và CĐR của CTĐT theo hướng ngắn gọn, chính xác về nội hàm, cập nhật nhu cầu của thị trường lao động, tương tự với ma trận mối quan hệ CĐR và các học phần.

Xây dựng thêm các kênh tiếp nhận ý kiến đóng góp từ phía nhà tuyển dụng và các bên liên quan về ĐCHP để cập nhật, hiệu chỉnh, rà soát và điều chỉnh về PPDH và phương pháp đánh giá trong ĐCHP của toàn bộ CTĐT một cách nhất quán.

Thu thập và hệ thống hóa các thông tin thu thập được từ các bên liên quan để dễ dàng trong việc trích lọc, sử dụng nguồn thông tin và sử dụng các ý kiến phản hồi cho hoạt động cải tiến của CTDH, thực hiện đa dạng các hình thức thu thập dữ liệu, đặc biệt là tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm để thảo luận và trao đổi trực tiếp và hiểu sâu hơn các vấn đề liên quan đến CTĐT.

Phối hợp chặt chẽ giữa các phòng chức năng với CVHT và SV để nắm bắt kịp thời tình hình sinh viên bỏ học, thôi học, tốt nghiệp chậm, hỗ trợ sinh viên có hoàn cảnh khó khăn về tài chính. gia tăng cơ hội việc làm thêm và việc làm sau khi tốt nghiệp, linh hoạt điều chỉnh chương trình giảng dạy, khuyến khích sinh viên thực hiện các đề tài NCKH (GV cùng sinh viên thực hiện đề tài NCKH. cộng điểm thưởng).

16. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và các học phần *(xem phụ lục)*.

17. Sơ đồ cấu trúc tiến trình đào tạo của chương trình *(xem phụ lục)*.

TRƯỞNG KHOA	**KT. HIỆU TRƯỞNG** **PHÓ HIỆU TRƯỞNG**
Trần Thị Hồng Liên	**Lê Vũ Nam**

PHỤ LỤC

12.1. Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, học phần trong chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo

TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu. Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Lĩnh vực nghiên cứu	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký. thời gian. gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Số công trình khoa học đã công bố: cấp			Ký tên
							Tuyển dụng	Hợp đồng		Quốc gia	Bộ	Cơ sở	
1	Phạm Đức Chính 21/01/1959	024637996, Việt Nam	PGS, 2011	TS, 1998, TS Khoa học, Liên Bang Nga, 2001	Kinh tế học và quản lý kinh tế quốc dân	Quản trị nguồn nhân lực	15/6/2004	Hợp đồng không xác định thời hạn	0204307870	1	4	1	
2	Mai Trường An 15/04/1989	072189006108, Việt Nam		TS, Việt Nam, 2023	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	01/02/2024	Hợp đồng xác định thời hạn	7411237026				
3	Nguyễn Thị Thu Hòa 4/12/1976	025176000450, Việt Nam	PGS 2024	TS, Việt Nam, 2018	Quản lý công	Quản lý công	9/2020	Hợp đồng không xác định thời hạn	8299015411				
4	Trần Văn Trung 2/8/1964	030064001591, Việt Nam		TS, Việt Nam, 2015	Quản lý hành chính công	Quản lý công	1/2022	Hợp đồng không xác định thời hạn	6021146485				

5	Đào Văn Hân 6/6/1989	040089000088 Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2019	Quản lý công	Quản lý công		Hợp đồng xác định thời hạn	7912347566				
6	Lê Đức Lãm 3/10/1990	060090008984, Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2015	Quản lý công	Quản lý công	8/2020	Hợp đồng xác định thời hạn	7913173093				
7	Nguyễn Đình Thái 10/10/1984	044084008557, Việt Nam		TS, Việt Nam, 2021	Quản lý công	Quản lý công	01/7/2010	Hợp đồng không xác định thời hạn	7910370515			1	
8	Nguyễn Minh Huyền Trang 29/3/1983	046183012178, Việt Nam		TS, Việt Nam, 2023	Quản lý công	Quản lý công	8/2005	Hợp đồng chuyên môn	0205382375				
9	Trần Quang Long 30/10/1975	025035551, Việt Nam		TS, Việt Nam, 2019	Kinh doanh và quản lý	Kinh doanh và quản lý	01/03/2016	Hợp đồng không xác định thời hạn	0298062061				
10	Nguyễn Minh Thoại 06/06/1988	341476807, Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2014	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	01/11/2010	Hợp đồng không xác định thời hạn	7910522890		1	2	
11	Nguyễn Thị Yến 28/03/1990	272203504, Việt Nam		ThS, Anh, 2016	Quản trị kinh doanh quốc tế	Quản trị kinh doanh quốc tế	01/11/2017	Hợp đồng không xác định thời hạn	7523683493		1	1	
12	Phan Đình Quyền 08/10/1961	023722375, Việt Nam		TS, Việt Nam, 1999	Kinh tế	Kinh tế	01/07/2006	Hợp đồng chuyên môn	0297088052				

13	Vũ Thị Hồng Ngọc 21/09/1991	024883997, Việt Nam		ThS, Anh, 2016	Kinh doanh quốc tế	Kinh doanh quốc tế	01/09/2018	Hợp đồng không xác định thời hạn	7911266401			1	
14	Lê Thị Hải Yến 30/08/1987	025165974, Việt Nam		TS, Pháp, 2022	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	01/03/2016	Hợp đồng không xác định thời hạn	7911002522				
15	Huỳnh Thanh Tú 10/10/1963	024003875, Việt Nam		TS, Việt Nam, 2006	Kinh tế, quản lý và kế hoạch hóa kinh tế quốc dân	Kinh tế, quản lý và kế hoạch hóa kinh tế quốc dân	01/09/2006	Hợp đồng không xác định thời hạn	0204341071			1	
16	Đặng Ngọc Bích 10/03/1988	351921267, Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2013	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	01/04/2014	Hợp đồng không xác định thời hạn	7911297967				
17	Đỗ Đức Khả 01/04/1965	025804539, Việt Nam		ThS, Hoa Kỳ, 2004	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	16/01/2009	Hợp đồng không xác định thời hạn	4297014035		2		
18	Nguyễn Thị Lài 26/08/1981	023741105, Việt Nam		ThS, Malaysia, 2010	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	19/09/2005	Hợp đồng không xác định thời hạn	0205327399		1	1	

19	Nguyễn Thị Bình Minh 18/03/1983	260923840, Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2009	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng	01/01/2008	Hợp đồng không xác định thời hạn	0206421912		1	1	
20	Lê Thành Long 10/05/1970	022432842, Việt Nam		TS, Việt Nam, 2008	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	01/06/2016	Hợp đồng chuyên môn	0296063426				
21	Nguyễn Thị Kim Oanh 06/03/1975	079175000368, Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2004	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	01/09/2006	Hợp đồng không xác định thời hạn	0203023101		1		
22	Lê Thị Hà My 25/02/1990	079190006802, Việt Nam		ThS, Úc, 2016	Quản trị khách sạn quốc tế	Quản trị khách sạn quốc tế	01/09/2018	Hợp đồng không xác định thời hạn	7938752831			1	
23	Phùng Thanh Bình 18/07/1984	211788773, Việt Nam	PGS, 2024	PGS. TS, Đài Loan, 2017	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	16/10/2017	Hợp đồng không xác định thời hạn	7909399641	1	3	1	
24	Nguyễn Thị Hồng Gấm 30/01/1985	280854277, Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2013	Kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế	Kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế	15/10/2007	Hợp đồng không xác định thời hạn	9107158110		1	1	
25	Võ Thị Ngọc Trinh 16/10/1974	022847768, Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2002	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	01/09/2006	Hợp đồng không xác định thời hạn	0298111119			1	

26	Nguyễn Đức Chí 15/06/1961	079061000209, Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2018	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	01/12/2018	Hợp đồng chuyên môn	0				
27	Nguyễn Minh Châu 21/11/1974	023442781, Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2010	Kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế	Kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế	01/01/2011	Hợp đồng không xác định thời hạn	7911113066		1		
28	Mai Thu Phương 15/05/1986	038186025773, Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2012	Quản lý nguồn nhân lực	Quản lý nguồn nhân lực	01/02/2013	Hợp đồng không xác định thời hạn	0110071607		1	1	
29	Lê Cát Vi 07/09/1991	046191991249, Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2017	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	01/10/2019	Hợp đồng không xác định thời hạn	7914106037		1	1	
30	Hoàng Đoàn Phương Thảo 06/03/1987	194255038, Việt Nam		ThS, Úc, 2012	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng	01/02/2013	Hợp đồng không xác định thời hạn	7913079293		2	1	
31	Ngô Thị Dung 13/05//1990	241118231, Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2017	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	01/10/2017	Hợp đồng không xác định thời hạn	7913267416		2	1	
32	Trần Thị Hồng Liên 07/11/1983	001183051420, Việt Nam	PGS, 2024	PGS. TS, Úc, 2017	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	01/01/2011	Hợp đồng không xác định thời hạn	0109064876	1	2	1	

33	Nguyễn Hồng Uyên 30/06/1994	025113362, Việt Nam		ThS, Anh, 2018	Marketing Truyền thông	Marketing Truyền thông	01/10/2019	Hợp đồng không xác định thời hạn	7938780709		1		
34	Trần Thị Ý Nhi 04/01/1973	024215790, Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2000	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	01/09/2006	Hợp đồng không xác định thời hạn	0202188443		1	1	
35	Cung Thục Linh. 05/11/1991	024798100, Việt Nam		ThS, Úc, 2016	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	15/08/2016	Hợp đồng không xác định thời hạn	7914137666				
36	Phạm Trung Tuấn 10/08/1976	363809645, Việt Nam		TS, Úc, 2019	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	01/07/2021	Hợp đồng không xác định thời hạn	5002000291				
37	Đào Kim Nguyễn Thụy Hằng 23/2/1981	080181011298, Việt Nam		TS, Úc	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	01/08/2022	Hợp đồng chuyên môn	0				
38	Tống Gia Tường 10/4/1994	049094003148, Việt Nam		TS, Hàn Quốc	Marketing	Marketing	01/3/2024	Hợp đồng xác định thời hạn	4920071255				

12.2 Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, học phần trong chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo

TT	Họ và tên	Học phần/ học phần giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/ chuyên môn chủ trì giảng dạy/ hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Nguyễn Thị Thu Hòa	Lý luận về Quản lý công	2	X				X
		Dịch vụ công	7	X				
		Quản trị địa phương	8	X				
		Thực tập cuối khóa	10	X				
		Khóa luận tốt nghiệp	10	X				
2	Trần Văn Trung	Khoa học hành chính	3	X				X
		Quản lý nhà nước đối với ngành, lãnh thổ	7	X				
		Quản lý đầu tư công	9	X				
		Thực tập cuối khóa	10	X				
		Khóa luận tốt nghiệp	10					

3	Nguyễn Đình Thái	Chính trị học trong quản lý công	4	X				X
		Tổ chức bộ máy nhà nước	2	X				
		Thực tập cuối khóa	10	X				
		Quản trị chiến lược khu vực công	10	X				
		Khóa luận tốt nghiệp	10					
4	Đào Văn Hân	Chính sách công	5	X				X
		Quản trị nguồn nhân lực khu vực công	6	X				
		Thực tập cuối khóa	10	X				
		Chính sách môi trường và phát triển bền vững	10	X				
		Khóa luận tốt nghiệp	10					
5	Lê Đức Lãm	Thủ tục hành chính	6	X				X
		Quản lý công vụ, công chức	7	X				
		Kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính	8	X				
		Thực tập cuối khóa	10	X				

		Khóa luận tốt nghiệp	10					
6	Đặng Ngọc Bích	Sáng tạo và khởi nghiệp	3	X		X		X
		Marketing	2	X				
7	Phùng Thanh Bình	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế và quản lý	4					x
		Marketing	2					
		Kỹ năng lãnh đạo	3	X		X		
8	Trần Thị Hồng Liên	Quản trị nguồn nhân lực khu vực công	5					x
		Kỹ năng lãnh đạo	3			3		
		Quản trị học	1					
9	Ngô Thị Dung	Marketing	1					x
		Sáng tạo và khởi nghiệp	1			2		
10	Đỗ Đức Khả	Marketing	1	2				x
11	Lê Thị Hải Yến	Trách nhiệm xã hội và phục vụ công đồng			1	2		x
12	Nguyễn Minh Châu	Quản trị học	1	3				x

13	Lê Thị Hà My	Kỹ năng lãnh đạo	1			2		x
14	Mai Thu Phương	Sáng tạo và khởi nghiệp	3			2		x
		Marketing	1	2				
15	Mai Trường An	Tư duy phản biện	1			2		x
16	Nguyễn Minh Thoại	Quản trị họhọc	2	X				X
17	Huỳnh Thanh Tú	Kỹ năng lãnh đạo	3			X		X
18	Phạm Trung Tuấn	Quản trị học	2	X				X
		Quản trị nguồn nhân lực khu vực công	5	X				

12.3 Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa trình độ đại học/ThS/TS của cơ sở đào tạo

TT	Họ và tên, chức vụ hiện tại, ngày sinh	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú
1	Trần Thị Hồng Liên - Trưởng Khoa 07/11/1983	PGS.TS, Úc, 2018	Quản trị Kinh doanh	
2	Phùng Thanh Bình - Phó Khoa 18/07/1984	PGS.TS, Đài Loan, 2017	Quản trị Kinh doanh	
3	Phạm Trung Tuấn - Trưởng Bộ môn Quản trị 10/08/1976	TS, Úc, 2019	Quản trị Kinh doanh	
4	Lê Thị Hải Yến - Trưởng Bộ môn Marketing 30/08/1987	TS, Pháp, 2022	Khoa học Quản trị	

5	Nguyễn Thị Thu Hòa - Trưởng bộ môn 04/12/197	PGS.TS, Việt Nam, 2018	Quản lý công	

12.4. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy học phần

TT	Học phần	Mã học phần	Họ tên giảng viên giảng dạy 1	Họ tên giảng viên giảng dạy 2	Họ tên giảng viên giảng dạy 3
HỌC KỲ 1					
Học phần bắt buộc					
1	Kinh tế vi mô	BEE1037	Mai Lê Thúy Vân	Lê Huy Đoàn	
2	Nhập môn Luật học	BLB1048	Châu Quốc An	Hồ Thủy Tiên	Nguyễn Ngọc Phương Hồng
3	Quản trị học	BBB1067	Trần Thị Hồng Liên	Nguyễn Minh Châu	Nguyễn Thị Bình Minh
4	Giáo dục thể chất 1	BDG1012	Giảng viên thỉnh giảng		
5	Marketing	BBM2066	Lê Thị Hải Yến	Vũ Thị Hồng Ngọc	Nguyễn Hồng Uyên
Học phần tự chọn (Chọn 2HP)					
6	Tài chính cá nhân	BFF1047	Nguyễn Hoàng Anh	Phạm Chí Khoa	
7	Sáng tạo và khởi nghiệp	BBM1065	Phùng Thanh Bình	Cung Thục Linh	
8	Kỹ năng lãnh đạo	BBB1068	Nguyễn Đình Thái	Trần Thị Hồng Liên	Nguyễn Thị Thu Hòa
9	Tâm lý ứng dụng	BDG1006	Nguyễn Minh Thoại	Nguyễn Thị Yến	Phạm Trung Tuấn
10	Quan hệ quốc tế	BDG1009	Trần Thanh Huyền	Lục Minh Tuấn	
11	Logic học	BDG1011	Nguyễn Anh Thường		
12	Năng lực số trong học tập và nghề nghiệp	BIE1065	Lê Hoành Sử	Lâm Hồng Thanh	

13	Trách nhiệm xã hội và phục vụ cộng đồng	BDG1016	Giảng viên thỉnh giảng		
14	Tư duy phản biện	BKT1065	Ngô Hữu Phước	Vũ Kim Hạnh Dung	
15	Phát triển bền vững	BEE5042	Đinh Hoàng Tường Vi	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	
HỌC KỲ 2					
Học phần bắt buộc					
1	Nguyên lý kế toán	BAA2028	Hồ Xuân Thuỷ	Phạm Thị Huyền Quyên	
2	Khoa học hành chính	BBU4094	Trần Văn Trung	Đào Văn Hân	Lê Đức Lãm
3	Lý luận về quản lý công	BBU4002	Nguyễn Thị Thu Hòa	Trần Thị Vành Khuyên	Nguyễn Minh Huyền Trang
4	Luật doanh nghiệp	BKB1046	Nguyễn Thị Phương Thảo	Bùi Nguyễn Trà My	
5	Kinh tế vĩ mô	BEE1038	Huỳnh Ngọc Chương	Trần Lục Thanh Tuyền	Huỳnh Thị Ly Na
6	Giáo dục thể chất 2	BDG1013	Giảng viên thỉnh giảng		
HỌC KỲ 3					
Học phần bắt buộc					
1	Kế toán tài chính	BAA2029	Lợi Minh Thanh	Phạm Thị Huyền Quyên	
2	Giáo dục Quốc phòng	BDG1014			
3	Toán kinh tế	BMM2049	Phạm Hoàng Uyên	Nguyễn Phúc Sơn	Lê Anh Vũ
4	Triết học Mác – Lênin	BDG1001	Mạch Thị Khánh Trinh		
5	Tổ chức bộ máy nhà nước	BBB5008	Nguyễn Đình Thái	Đào Văn Hân	Trần Bá Hùng
Học phần tự chọn (Chọn 2HP)					

6	Tài chính cá nhân	BFF1047	Nguyễn Hoàng Anh	Phạm Chí Khoa	
7	Sáng tạo và khởi nghiệp	BBM1065	Phùng Thanh Bình	Cung Thục Linh	
8	Kỹ năng lãnh đạo	BBB1068	Nguyễn Đình Thái	Trần Thị Hồng Liên	Nguyễn Thị Thu Hòa
9	Tâm lý ứng dụng	BDG1006	Nguyễn Minh Thoại	Nguyễn Thị Yến	Phạm Trung Tuấn
10	Quan hệ quốc tế	BDG1009	Trần Thanh Huyền	Lục Minh Tuấn	
11	Logic học	BDG1011	Nguyễn Anh Thường		
12	Năng lực số trong học tập và nghề nghiệp	BIE1065	Lê Hoành Sử	Lâm Hồng Thanh	
13	Trách nhiệm xã hội và phục vụ cộng đồng	BDG1016	Giảng viên thỉnh giảng		
14	Tư duy phản biện	BKT1065	Ngô Hữu Phước	Vũ Kim Hạnh Dung	
15	Phát triển bền vững	BEE5042	Đinh Hoàng Tường Vi	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	
HỌC KỲ 4					
Học phần bắt buộc					
1	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	BEE1002	Phạm Thị Mỹ Duyên	Phùng Thế Tám	
2	Nguyên lý thị trường tài chính	BFF2044	Nguyễn Hoàng Anh	Hoàng Thọ Phú	
3	Nhập môn phân tích dữ liệu	BMA2025	Nguyễn Phúc Sơn	Nguyễn Đình Uông	
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế và	BFF2071	Trần Hùng Sơn	Phùng Thanh Bình	

	quản lý				
5	Chính trị học trong quản lý công	BBU3093	Đỗ Phú Trần Tình	Nguyễn Đình Thái	
6	Chính sách công	BEM5002	Trịnh Hoàng Hồng Huệ	Lê Văn Gấm	
HỌC KỲ 5					
Học phần bắt buộc					
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	BDG1003	Đỗ Thị Ngát	Lê Thị Hồng Vân	Huỳnh Quốc Thịnh
2	Quản trị tài chính	BFF2045	Ngô Phú Thanh	Trần Hùng Sơn	
3	Quản trị nguồn nhân lực khu vực công	BBU4017	Đào Văn Hân	Phạm Đức Chính	Mai Thu Phương
Học phần tự chọn (Chọn 1HP)					
4	Quản trị toàn cầu	BBU4035	Nguyễn Thị Thu Hòa	Lê Văn Gấm	Nguyễn Minh Huyền Trang
5	Luật hành chính	BLB2050	Cao Vũ Minh	Trương Trọng Hiểu	
HỌC KỲ 6					
Học phần bắt buộc					
1	Thủ tục hành chính	BBU4010	Đào Văn Hân	Nguyễn Đức Kim Ngân	
2	Lãnh đạo trong khu vực công	BBU4012	Nguyễn Thị Thu Hòa	Nguyễn Đình Thái	
3	Quản lý công vụ, công chức	BBU4095	Lê Đức Lãm	Cao Thanh Hùng	
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	BDG1005	Phan Khánh Bằng		

Học phần tự chọn (Chọn 1HP)					
5	Chuyển đổi số trong khu vực công	BBU4096	Nguyễn Huyền Minh Trang	Nguyễn Ngọc Trường Huy	
6	Quan hệ công chúng	BBM5073	Cung Thục Linh	Trần Văn Trung	
7	Tổ chức sự kiện	BBM4085	Nguyễn Thị Hải Yến	Lê Thị Hà My	
HỌC KỲ 7					
Học phần bắt buộc					
1	Dịch vụ công	BBU4027	Nguyễn Thị Thu Hòa	Cao Thanh Hùng	
2	Quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ	BBU4091	Trần Văn Trung	Lê Văn Hinh	
3	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính	BBU4088	Lê Đức Lãm	Nguyễn Đức Kim Ngân	
HỌC KỲ 8					
Học phần bắt buộc					
1	Quản trị văn phòng	BBU4097	Đào Văn Hân	Lê Đức Hiền	
2	Quản trị địa phương	BUU4038	Nguyễn Thị Thu Hòa	Cao Thanh Hùng	
3	Quản lý tài chính công	BBU4028	Nguyễn Thanh Liêm	Lâm Thái Bảo Ngọc	
HỌC KỲ 9					
Học phần bắt buộc					
1	Kiểm soát trong quản lý công	BBU4039	Lê Đức Lãm	Lê Đức Hiền	
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	BDG1004	Đinh Thị Điều		

3	Quản lý đầu tư công	BBU4092	Nguyễn Đình Thái	Lâm Thái Bảo Ngọc	
HỌC KỲ 10					
Học phần bắt buộc					
1	Thực tập cuối khóa	BUU6133	Toàn thể giảng viên		
Học phần tự chọn (02 chuyên đề hoặc khóa luận)					
2	Khóa luận tốt nghiệp	BUU6161	Toàn thể giảng viên		
3	Chuyên đề: Chính sách môi trường và phát triển bền vững	BBU4032	Đào Văn Hân	Trần Thị Vành Khuyên	
4	Chuyên đề: Quản trị chiến lược khu vực công	BBU4026	Nguyễn Đình Thái	Phạm Đức Chính	

13.1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo trình độ đại học/ThS/TS của cơ sở đào tạo

TT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m^2)	Học phần /học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	111	19.367		Năm học	
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2	2.611		Năm học	
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	4	838		Học kỳ	
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	78	14.643,5		Học kỳ	

1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	4	240		Học kỳ	
1.5	Số phòng học đa phương tiện	6	720		Năm học	
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	17	314,5		Năm học	
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	1.728		Năm học	
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	8	12.433		Học kỳ	

13.2. Thư viện

TT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Mã HP	HỌC PHẦN	Ghi chú
Học kỳ 1						
1	Macroeconomics (seven edition)	Mankiw N.G.,	Worth Publisher	BEE1037	Kinh tế vi mô	
2	Tài liệu học tập Lý luận Nhà nước và Pháp luật,	Trường Đại học Kinh tế - Luật,	Nxb. ĐHQG TPHCM, 2022	BLB1048	Nhập môn luật học	
3	Principles of marketing 17th edition	Philip Kotler & Gary Armstrong	Pearson, 2017	BBM2066	Marketing	
4	Essentials of Contemporary Management	Gareth Jones and Jennifer George	McGraw-Hill, 2020	BBB1067	Quản trị học	
5	Tâm lý học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn, Trần Hữu Luyến, Trần Quốc Thành	ĐHQG-HN, 2015	BDG1006	Tâm lý ứng dụng	
6	Business and Society:	Lawrence, A., Weber, J.,	McGraw-Hill Higher	BDG1016	Trách nhiệm xã hội	

	Stakeholders, Ethics, Public Policy (17th ed.):	Hill, V. D., & Wasieleski, D. M.	Education, 2023		và phục vụ cộng đồng	
7	Cẩm Nang Tư Duy Phản Biện & Lập Luận Hiệu Quả	Colin Swatridge	Tổng Hợp TP. HCM, 2021	BKT1065	Tư duy phản biện	
8	World Politics	Charles W.Keglev, Shannon L.Blanton	Wadsworth, 2010-2011	BDG1009	Quan hệ quốc tế	
9	An introduction to sustainable development (4th)	Elliott, J.	Routledge,2012	BEE5042	Phát triển bền vững	
10	Develop your leadership skills: fast, effective ways to become a leader people want to follow	Adair, J.	Kogan Page, 2022	BBB1068	Kỹ năng lãnh đạo	
11	The creative thinking handbook: your step-by-step guide to problem solving in business	Griffiths, C., Costi, M., & Medlicott, C.	Kogan Page Publishers, 2022	BBM1065	Sáng tạo và khởi nghiệp	
12	Logic học	Nguyễn Anh Thường - Phạm Thị Loan	ĐHQG-HCM, 2021	BDG1011	Logic học	
13	Handbook of Personal Finance	Grable, John E. and Chatterjee, Swarn. De Gruyter	Berlin, Boston: De Gruyter, 2022	BFF1047	Tài chính cá nhân	
14	Digital transformation: survive and thrive in an era of mass extinction	Siebel, T. M.	RosettaBooks, 2019	BIE1065	Năng lực số trong học tập và nghề nghiệp	
Học kỳ 2						

1	Giáo trình Nguyên lý kế toán	Trường Đại học Kinh tế _ Luật	ĐHQG-HCM, 2020	BAA2028	Nguyên lý kế toán	
2	Giáo trình Hành chính đại cương	Học viện Hành chính Quốc gia	Khoa học và Kỹ thuật, 2021	BBU4094	Khoa học hành chính	
3	Khu vực công và quản lý khu vực công	Nguyễn Thị Hải Hà	Đại học kinh tế quốc dân, 2023	BBU4002	Lý luận về quản lý công	
4	- Giáo trình Pháp luật về chủ thể kinh doanh - Business Law, 6th ed	- Trường ĐH Luật TP.HCM - Jane Mallor	Trường ĐH Luật TP.HCM, 2020 - McGraw Hill, 2015	BKB1046	Luật doanh nghiệp	
5	Kinh tế học vĩ mô	Mankiw N.G.,	Cencage Learning và Fahasa, 2014	BEE1038	Kinh tế vĩ mô	
Học kỳ 3						
1	Giáo trình Kế toán tài chính (dùng cho SV khối ngành Kinh tế & Quản lý)	Hồ Xuân Thủy (chủ biên), Phạm Thị Huyền Quyên, Lợi Minh Thanh, Nguyễn Thị Thu Thủy, Trần Thanh Thúy Ngọc, Nguyễn Thị Khoa	ĐHQG - HCM, 2019, VN 2023 (tái bản)	BAA2029	Kế toán tài chính	
2	Mathematics for Economics and Business, 9th edition.	Ian Jacques	Pearson Education Limited, 2018	BMM2049	Toán kinh tế	
3	Giáo trình Triết học Mác – Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia, 2019	BDG1001	Triết học Mác - Lênin	
4	Tổ chức nhà nước Việt Nam hiện nay những vấn đề lý luận và thực tiễn	Nguyễn Ngọc Vân	Chính trị quốc gia - Sự thật, 2022	BBU4001	Tổ chức bộ máy nhà nước	
Học kỳ 4						

1	Giáo trình kinh tế chính trị Mác – Lê nin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia, 2019	BEE1002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	
2	1.Kinh tế học về tiền, ngân hàng và thị trường tài chính 2.Các nguyên lý tiền tệ ngân hàng và thị trường tài chính	1.Frederic S. Mishkin, Phan Trần Trung Dũng dịch 2.Nguyễn Văn Luân, Trần Viết Hoàng, Cung Trần Việt	NXB Thế giới,2021 ĐHQG HCM,2012	BFF2044	Nguyên lý thị trường tài chính	
3	Analytics, Data Science, và Artificial Intelligence, 11e, Global Edition	Ramesh Sharda, Dursun Delen, and Efraim Turban	Pearson Education, 2021	BMA2025	Nhập môn phân tích dữ liệu	
4	Giáo trình Phương pháp và phương pháp luận nghiên cứu khoa học kinh tế	Nguyễn Thị Cành	Nhà xuất bản Đại học quốc gia TP.HCM	BFF2071	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế và kinh doanh	
5	Giáo trình Chính trị học	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Lý luận chính trị, 2021	BBU3093	Chính trị học trong quản lý công	
6	An introduction to the policy process: Theories, concepts, and models of public policy making	Birkland, T. A.	Routledge, 2019	BEM5002	Chính sách công	
Học kỳ 5						
1	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia, 2019	BDG1003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2	Fundamentals of Financial Management 16th edition	Eugene F. Brigham, Joel F. Houston	2021 Cengage	BFF2045	Quản trị tài chính	
3	Quản trị nguồn nhân lực: Lý thuyết, thực tiễn và những	Trần Thị Hồng Liên và cộng sự	ĐHQG-HCM, 2019	BBU4017	Quản trị nguồn nhân lực khu vực công	

	mẫu hình mới					
4	Hành chính so sánh toàn cầu trong tiến trình phát triển	Nguyễn Thị Thu Hòa	Chính trị quốc gia - Sự thật, 2023	BBU4035	Quản trị toàn cầu	
5	Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam	Trường Đại học Kinh tế - Luật	ĐHQG-HCM, 2023	BLB2050	Luật hành chính	
Học kỳ 6						
1	Giáo trình Thủ tục hành chính	Tống Duy Tình	Khoa học xã hội, k2023	BBU4010	Thủ tục hành chính	
2	Giáo trình Lãnh đạo trong tổ chức	Trần Thị Vân Hoa	Đại học Kinh tế Quốc dân, 2019	BBU4012	Lãnh đạo trong khu vực công	
3	Giáo trình quản lý công vụ, công chức	Nguyễn Thị Hồng Hải – Ngô Thành Can	Bách khoa Hà Nội, 2023	BBU4095	Quản lý công vụ, công chức	
4	Giáo trình Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (dành cho bậc đại học hệ không chuyên LLCT)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB CTQG Sự thật, 2021	BDG1005	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	
5	Bứt phá thời kỳ số hóa	Nitin Seth	Trẻ, 2022	BBU4096	Chuyển đổi số trong khu vực công	
6	Giáo trình Quan hệ công chúng	Nguyễn Đình Toàn	Đại học Kinh tế Quốc dân, 2024	BBM5073	Quan hệ công chúng	
Học kỳ 7						
1	Cơ sở lý luận và thực tiễn về dịch vụ công ở Việt Nam hiện nay	Trương Quốc Việt	Chính trị quốc gia - Sự thật, 2023	BBU4027	Dịch vụ công	
2	Giáo trình Quản lý nhà nước theo ngành và lãnh thổ	Học viện Dân tộc	Tài chính, 2024	BBU4091	Quản lý nhà nước đối với ngành và	

					lãnh thổ	
3	Giáo trình Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng	Trường Đại học Luật Hà Nội	Hồng Đức, 2019	BBU4088	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính	
Học kỳ 8						
1	Nghiệp vụ thư ký và quản trị văn phòng	Đoàn Chí Thiện	Thông tin và Truyền thông, 2016	BBU4097	Quản trị văn phòng	
2	Tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương	Nguyễn Hải Long – Trần Xuân Châu	Chính trị quốc gia, 2020	BUU4038	Quản trị địa phương	
3	Giáo trình Quản lý tài chính công	Đào Văn Hùng, Vũ Thị Nhài, Đào Hoàng Tuấn	ĐHQG-HN, 2017	BBU4028	Quản lý tài chính công	
Học kỳ 9						
1	Giáo trình Kiểm soát Quản lý công	Học viện Hành chính Quốc gia	Bách khoa Hà Nội, 2021	BBU4039	Kiểm soát trong quản lý công	
2	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia, 2021	BDG1004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
3	Quản lý nhà nước về đầu tư	Học viện Hành chính Quốc gia	Bách khoa Hà Nội, 2021	BBU4092	Quản lý đầu tư công	
Học kỳ 10						
1	The Age of Sustainable Development	Sachs, J. D.	Columbia University Press, 2019	BBU4032	Chuyên đề: Chính sách môi trường và phát triển bền vững	
2	Quản lý chiến lược trong khu vực công	Học viện Hành chính Quốc gia	Bách khoa Hà Nội, 2021	BBU4026	Chuyên đề: Quản trị chiến lược khu vực công	

13.3. Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/ học phần sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/ máy thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Nhiệt Kế Chữ T, Đầu Dò Dài 300mm HI145-20 Hanna	2010		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
2	Ampli trung tâm dùng cho hội thảo	2016		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
3	Hệ thống máy chủ	2017		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
4	Bảng điện tử led 3 màu, chạy chữ, kết nối máy tính hiển thị thông tin chứng khoán	2016		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
5	Amply Mixer 60W	2016		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
6	Loa hộp 30W	2016		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
7	Máy in	2016		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
8	Máy chiếu	2016		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
9	Máy scanner	2016		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
10	Phần mềm chống đạo văn trong 2 năm, 5000 tài khoản sinh viên, 300 tài khoản giảng viên	2017		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
11	Phần mềm quản lý wifi, bản quyền 5 năm	2017		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		

12	Máy chủ tọa	2016		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
13	Thiết bị tường lửa bên trong	2017		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
14	Tủ đựng hồ sơ	2016		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
15	Thiết bị tường lửa bên ngoài	2017		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
16	Ghế có mặt bàn trên tay vịn	2016		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
17	Ghế xoay	2016		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
18	Ghế chân quỳ	2016		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
19	Máy đại biểu	2016		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
20	Máy vi tính thực hành cho giáo viên và sinh viên	2016		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
21	Hệ thống lưu trữ	2017		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
22	Bảng tương tác 86 inch	2020		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
23	Cơ sở dữ liệu Hein-online	2020		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
24	Bảng tương tác 86 inch	2020		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
25	Phần mềm SAP Business One	2015		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
26	Bàn máy tính - nhóm 1 (2352x2173x900) mm	2015		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
27	Bàn máy tính - nhóm 2 (1400x700x750) mm	2015		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
28	Bàn máy tính - nhóm 4 (900x700x750) mm	2015		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
29	Bàn máy tính - nhóm 3 (1200x700x750) mm	2015		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
30	Máy scan: HP Scanjet ENT 7500 Flatbed Scanner	2015		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		

31	Máy in laser A3: HP LASERJET PRO M706N	2015		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
32	Thiết bị chuyển mạch cho hệ thống máy tính: Catalyst 2960-X24 GigE 4x1G SFP LAN Base	2015		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
33	Máy tính trạm làm việc: Dell XPS 8900	2015		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
34	Máy chiếu: Sony VPL-EX295	2015		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
35	Card màn hình máy tính dùng để lập trình tính toán song song (theo mô hình CUDA với GPU)	2015		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
36	Màn hình máy tính (Monitor)-LCD LG 24"	2015		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		

16. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và các học phần Quản lý công

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO										
				PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	TỔNG
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]
1	BEE1037	Kinh tế vi mô	3	x			x							
2	BLB1048	Nhập môn luật học	3	x			x						x	
3	BBB1067	Quản trị học	3		x		x					x		
4	BDG1012	Giáo dục thể chất 1	0	x				x					x	
5	BBM2066	Marketing	2		x			x			x			
6	BFF1047	Tài chính cá nhân	2	x					x				x	
7	BBM1065	Sáng tạo và khởi	2	x						x	x			

		nghiệp												
8	BBB1068	Kỹ năng lãnh đạo	2		x		x				x			
9	BDG1006	Tâm lý ứng dụng	2	x				x			x			
10	BDG1009	Quan hệ quốc tế	2	x				x				x		
11	BDG1011	Logic học	2	x			x				x			
12	BIE1065	Năng lực số trong học tập và nghề nghiệp	2	x					x	x				
13	BDG1016	Trách nhiệm xã hội và Phục vụ cộng đồng	2	x				x					x	
14	BKT1065	Tư duy phản biện	2	x			x				x			
15	BEE5042	Phát triển bền vững	2		x		x						x	
16	BAA2028	Nguyên lý kế toán	3		x				x				x	
17	BBU4094	Khoa học hành chính	3			x	x					x		3
18	BBU4002	Lý luận về quản lý công	3			x	x					x		
19	BKB1046	Luật doanh nghiệp	3	x			x				x			
20	BEE1038	Kinh tế vĩ mô	3		x			x				x		
21	BDG1013	Giáo dục thể chất 2	0											
22	BAA2029	Kế toán tài chính	3	x			x				x			
23	BDG1014	Giáo dục quốc phòng	0											

24	BMM2049	Toán kinh tế	4	x			x				x			
25	BDG1001	Triết học Mác – Lênin	3	x			x				x			
26	BBU4001	Tổ chức bộ máy nhà nước	3			x	x					x		
27	BEE1002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	x			x				x			
28	BFF2044	Nguyên lý thị trường tài chính	3		x		x				x			
29	BMA2025	Nhập môn phân tích dữ liệu	2		x		x				x			
30	BFF2071	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế và quản lý	3		x			x					x	
31	BBU3093	Chính trị học trong quản lý công	3	x			x				x			
32	BEM5002	Chính sách công	3			x	x					x		
33	BDG1003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	x			x				x			
34	BFF2045	Quản trị tài chính	3			x								
35	BBU4017	Quản trị nguồn nhân lực khu vực công	3			x		x				x		
36	BBU4035	Quản trị toàn cầu	3		x			x				x		

37	BLB2050	Luật hành chính	3			x	x						x	
38	BBU4010	Thủ tục hành chính	3			x	x					x		
39	BBU4012	Lãnh đạo trong khu vực công	3			x		x				x		
40	BBU4095	Quản lý công vụ, công chức	3			x		x					x	
41	BDG1005	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	x			x				x			
42	BBU4096	Chuyển đổi số trong khu vực công	2		x				x		x			
43	BBM5073	Quan hệ công chúng	2		x			x			x			
44	BBM4085	Tổ chức sự kiện	2		x			x			x			
45	BBU4027	Dịch vụ công	3			x	x					x		
46	BBU4091	Quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ	3			x	x					x		
47	BBU4088	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính	3			x		x				x		
48	BBU4097	Quản trị văn phòng	3			x		x				x		
49	BUU4038	Quản trị địa phương	3			x	x					x		
50	BBU4028	Quản lý tài chính công	3			x	x					x		
51	BBU4039	Kiểm soát trong quản lý công	3			x	x						x	

52	BDG1004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	x			x				x			
53	BBU4092	Quản lý đầu tư công	3		x		x					x		
54	BUU6133	Thực tập cuối khóa	4			x		x					x	
55	BBU4032	Chuyên đề: Chính sách môi trường và phát triển bền vững	2		x		x						x	
56	BBU4026	Chuyên đề: Quản trị chiến lược khu vực công	2		x		x					x		
57	BUU6161	Khóa luận tốt nghiệp	4			x			x				x	

17. Sơ đồ cấu trúc tiến trình đào tạo của chương trình

Sơ đồ kế hoạch học tập ngành Quản lý công (10 học kỳ)

